

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Cao Văn Tú
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
XĂNG DẦU KHU VỰC III.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Cao Văn Tú
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Cao Văn Tú

Mã SV : 1412401059

Lớp : QT1801K

Ngành : Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty xăng dầu khu vực III.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200.
 - Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty xăng dầu khu vực III.
 - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty xăng dầu khu vực III.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2017
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Xăng dầu khu vực III

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty xăng dầu khu vực III.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Cao Văn Tú

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Văn Tường
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Cao Văn Tú Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty xăng dầu khu vực III.
Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty xăng dầu khu vực III.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☒ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 04 tháng 01 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TT200	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	3
1.1.1. Khái niệm:	3
1.1.1.1. Doanh thu	3
1.1.1.2. Chi phí	4
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	8
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	17
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.4. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	21

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	25
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	26
1.3.5. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III	28
2.1. Khái quát chung về công ty xăng dầu khu vực III.	28
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	28
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	29
2.1.3. Những thành tích của công ty đã đạt được.	30
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	30
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	31
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán	31
2.1.5.2. Chính sách kế toán của công ty	34
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty xăng dầu khu vực III.	36
2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.	48
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	58
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính.....	67
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	74
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III.....	82
3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Xăng dầu khu vực 3	82

3.1.1. <i>Ưu điểm</i> .	82
3.1.2. <i>Nhược điểm</i> :	83
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Xăng dầu khu vực III	84
3.2.1. Giải pháp 1: Công ty nên xây dựng và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.	84
3.2.2. Giải pháp 2: Công ty nên xây dựng và áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.	85
3.2.3. Giải pháp 3: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác hạch toán kế toán.	87
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO .	91

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế nước ta trong những năm qua có những bước phát triển đáng kể, đạt được kết quả đó là do sự đổi mới sâu sắc từ cách nhận thức từ cơ chế quản lý bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cánh cửa cho sự hội nhập của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực sự mở ra. Sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đòi hỏi phải có sự đổi mới đồng bộ hệ thống các công cụ quản lý mà trong đó hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành, kiểm soát các hoạt động kinh tế, đồng thời nó cũng gắn liền với các hoạt động kinh tế tài chính, đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho các quyết định kinh tế. Do đó kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tài chính doanh nghiệp.

Công ty Xăng Dầu Khu Vực III là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, là đại diện của PTROLIMEX tại Hải Phòng, có nhiệm vụ tổ chức kinh doanh cung cấp xăng dầu cho các đơn vị kinh tế, quốc phòng và tiêu dùng xã hội trên địa bàn Hải Phòng và khu vực lân cận.

Nhiệm vụ hàng đầu của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Xăng Dầu Khu Vực III nói riêng là phải đẩy mạnh bán hàng với mục đích cuối cùng là đem lại lợi nhuận cao. Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở công ty em đã quyết định lựa chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Xăng Dầu Khu Vực III.”**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: *Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT200.*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Xăng Dầu Khu Vực III.*

Chương 3: *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Xăng Dầu Khu Vực III.*

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Cao Văn Tú

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TT200

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1.1.1. Khái niệm:

1.1.1.1. Doanh thu

Doanh thu là lợi ích kinh tế, được xác định để làm tăng vốn của chủ sở hữu ngoại trừ phần góp thêm của các cổ đông khác. Doanh thu được xác định ngay khi giao dịch được diễn ra và chắc chắn thu về lợi ích kinh tế. Ngoài ra doanh thu còn được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không tính là đã thu tiền rồi hay chưa.

Các loại doanh thu

Phân loại doanh thu theo nội dung, doanh thu bao gồm:

– **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

❖ Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

+ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

– **Doanh thu hoạt động tài chính**: là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

– **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- + Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- + Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- + Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- + Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- + Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- + Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- + Các khoản thu khác.

1.1.1.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ Phương pháp bình quân gia quyền (2 Cách)

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền}}$$

Cách 1: Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Cách 2: Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

+ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):** áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ **Phương pháp tính theo giá đích danh:** được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

+ **Phương pháp giá bán lẻ:** thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và

có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

-Chi phí bán hàng: là khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Nó bao gồm các khoản chi phí sau:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: là các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên... và các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định

+ Chi phí vật liệu bao bì

+ Chi phí dụng cụ đồ dùng

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ Chi phí bảo hành sản phẩm hàng hoá

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

-Chi phí QLDN: đây là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến chung đến hoạt động của toàn doanh nghiệp không thể tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

+ Chi phí nhân viên quản lý

+ Chi phí vật liệu quản lý

+ Chi phí đồ dùng văn phòng

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ Thuế và lệ phí

+ Chi phí dự phòng

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Chi phí bằng tiền khác

- Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ bán chứng khoán ...

- Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

+ Các khoản chi phí khác....

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận thuần} & & \text{Doanh} & & \text{Giá vốn} & & \text{CPQLDN} \\ \text{từ hoạt động sản} & = & \text{thu} & - & \text{hàng} & - & \text{, CPBH} \\ \text{xuất kinh doanh} & & \text{thuần} & & \text{bán} & & \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận tài} & & \text{Doanh thu tài chính} & - & \text{Chi phí tài chính} \\ \text{chính} & = & & & \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận hoạt} & = & \text{Thu nhập hoạt động} & - & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{động khác} & & \text{khác} & & \text{khác} \end{array}$$

+ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} & = & \text{từ hoạt} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{khác} \\ \text{thuế} & & \text{động SXKD} & & \text{chính} & & \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Thuế TNDN} & & & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & \times & \text{TNDN} \\ & & \text{trước thuế} & & \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & & & \text{Thuế TNDN phải} \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & - & \text{nộp} \\ & & \text{toán trước thuế} & & \end{array}$$

1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

-Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

-Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, Thuế suất GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.

-Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

-Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

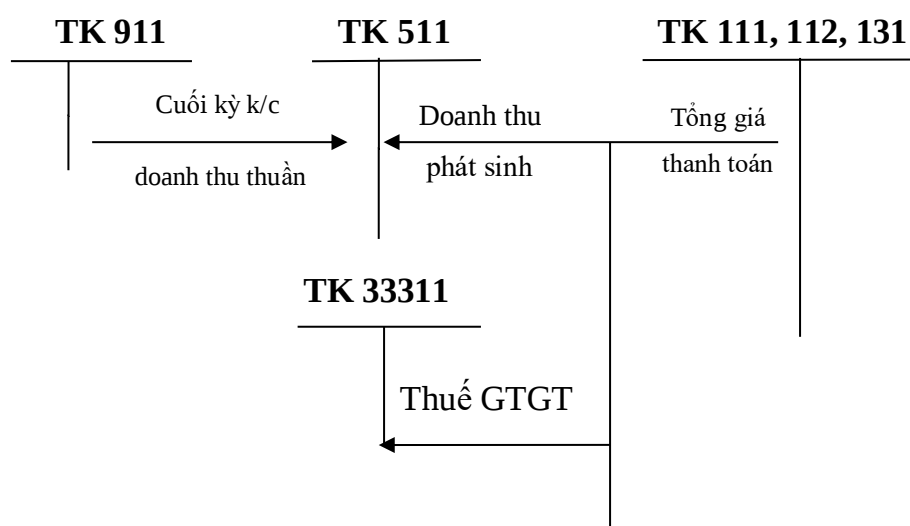
Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.		- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

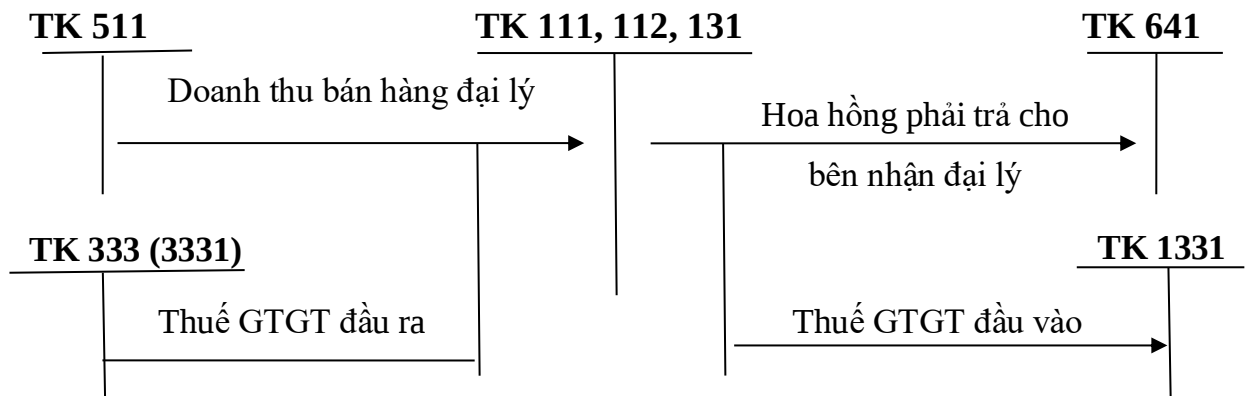
Tài khoản 511 không có số dư.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

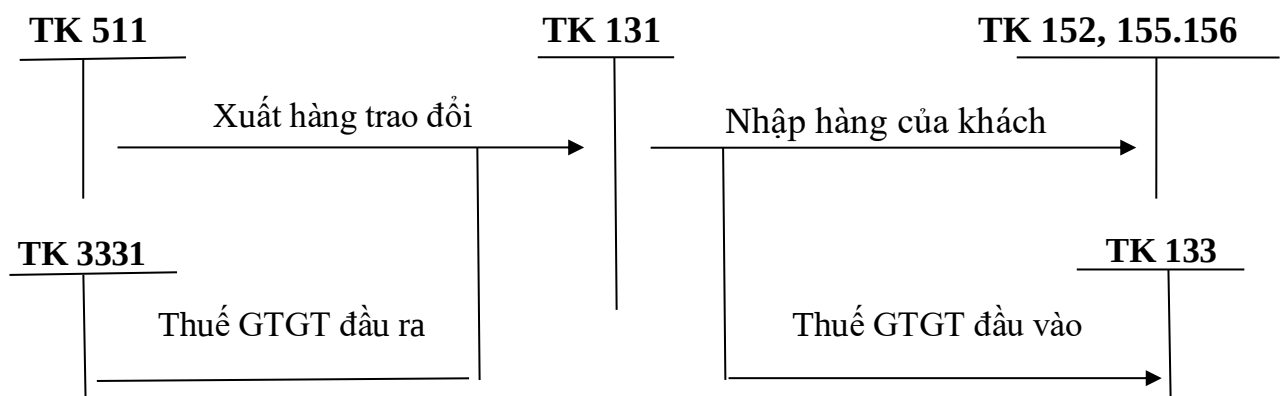
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



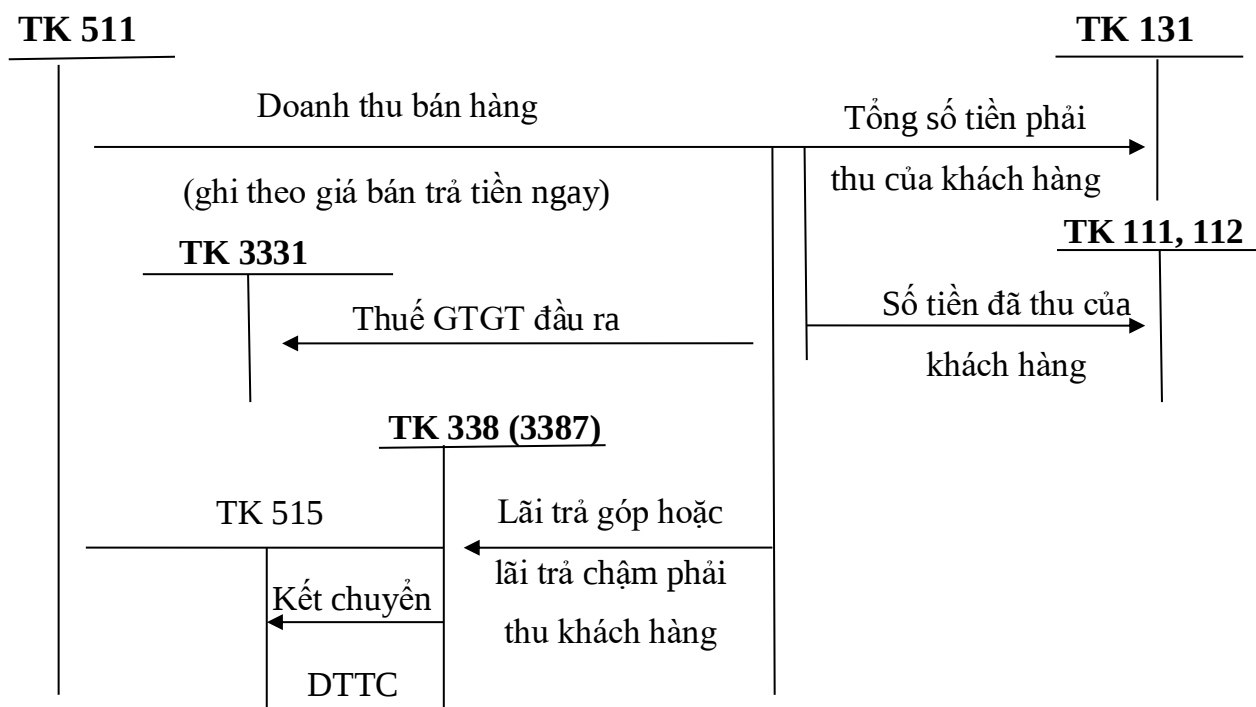
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



1.2.2. Kế toán chi phí hoạt động kinh doanh

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho...
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.
- + Tài khoản 641: Chi phí bán hàng.
- + Tài khoản 642: Chi phí QLDN

Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Kết chuyển trị giá hàng tồn đầu kỳ(KKĐK) 		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Kết chuyển trị giá hàng tồn cuối kỳ(KKĐK)
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư.

Kết cấu tài khoản 641

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 641 không có số dư.

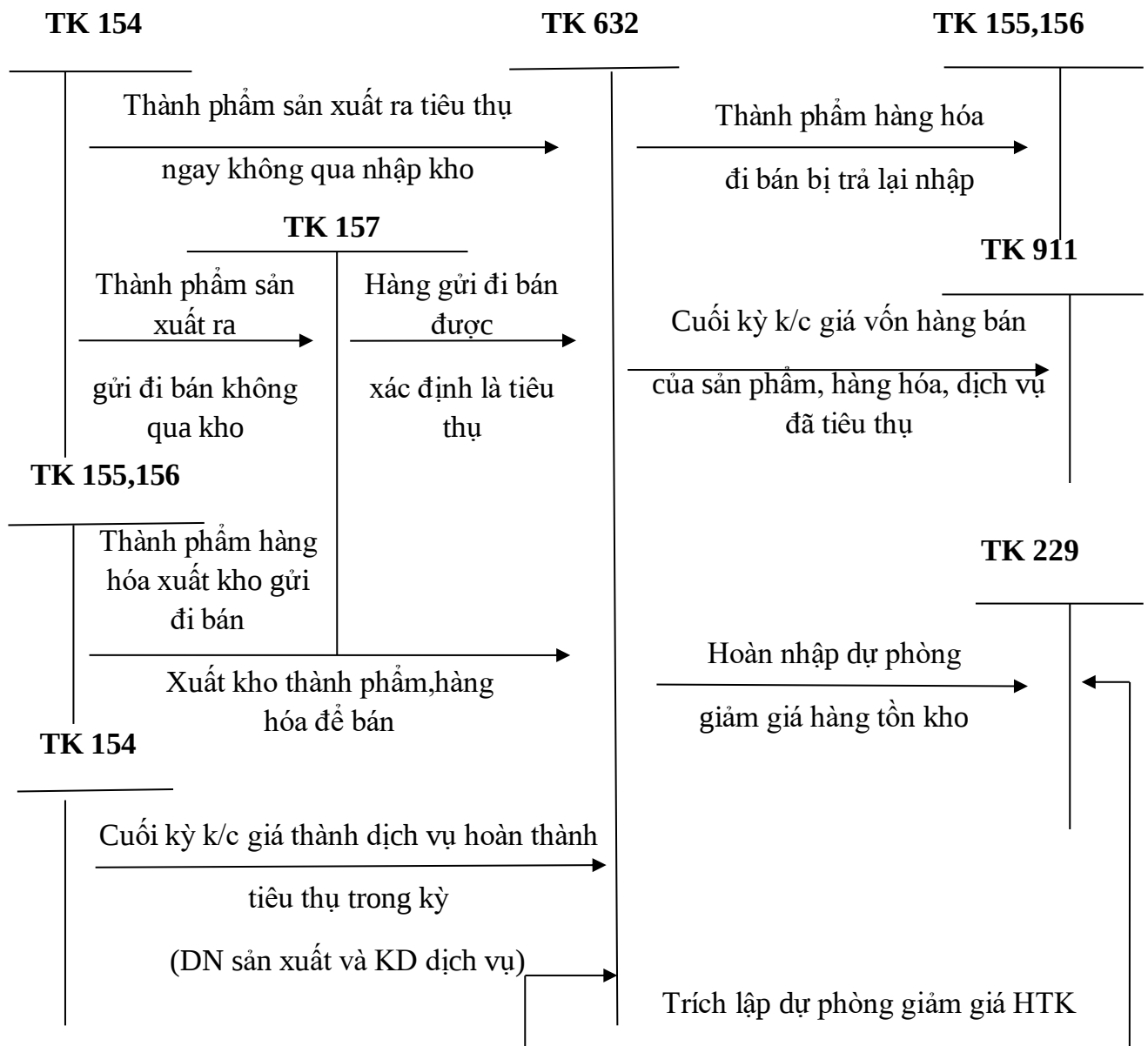
Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

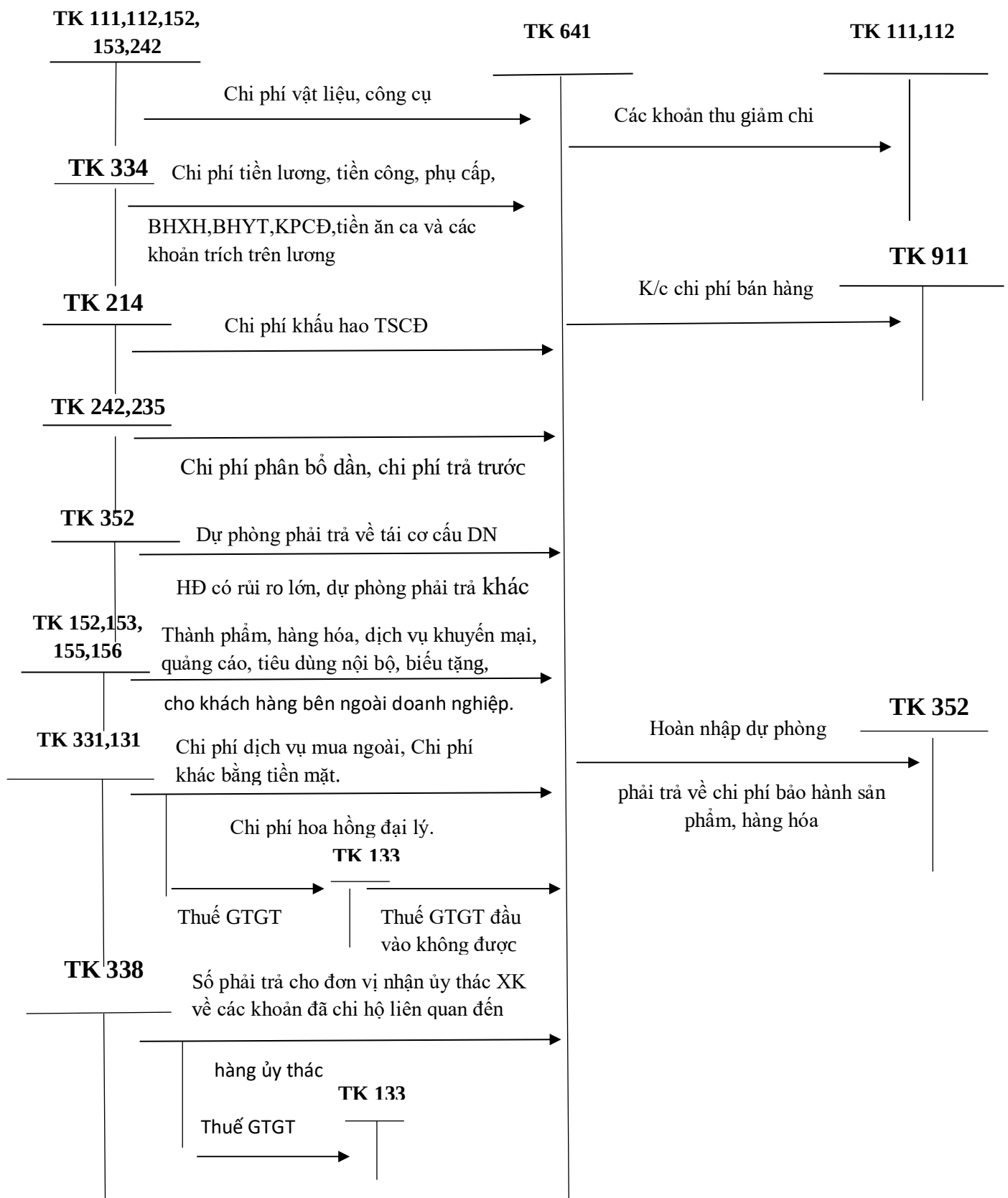
Tài khoản 642 không có số dư.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

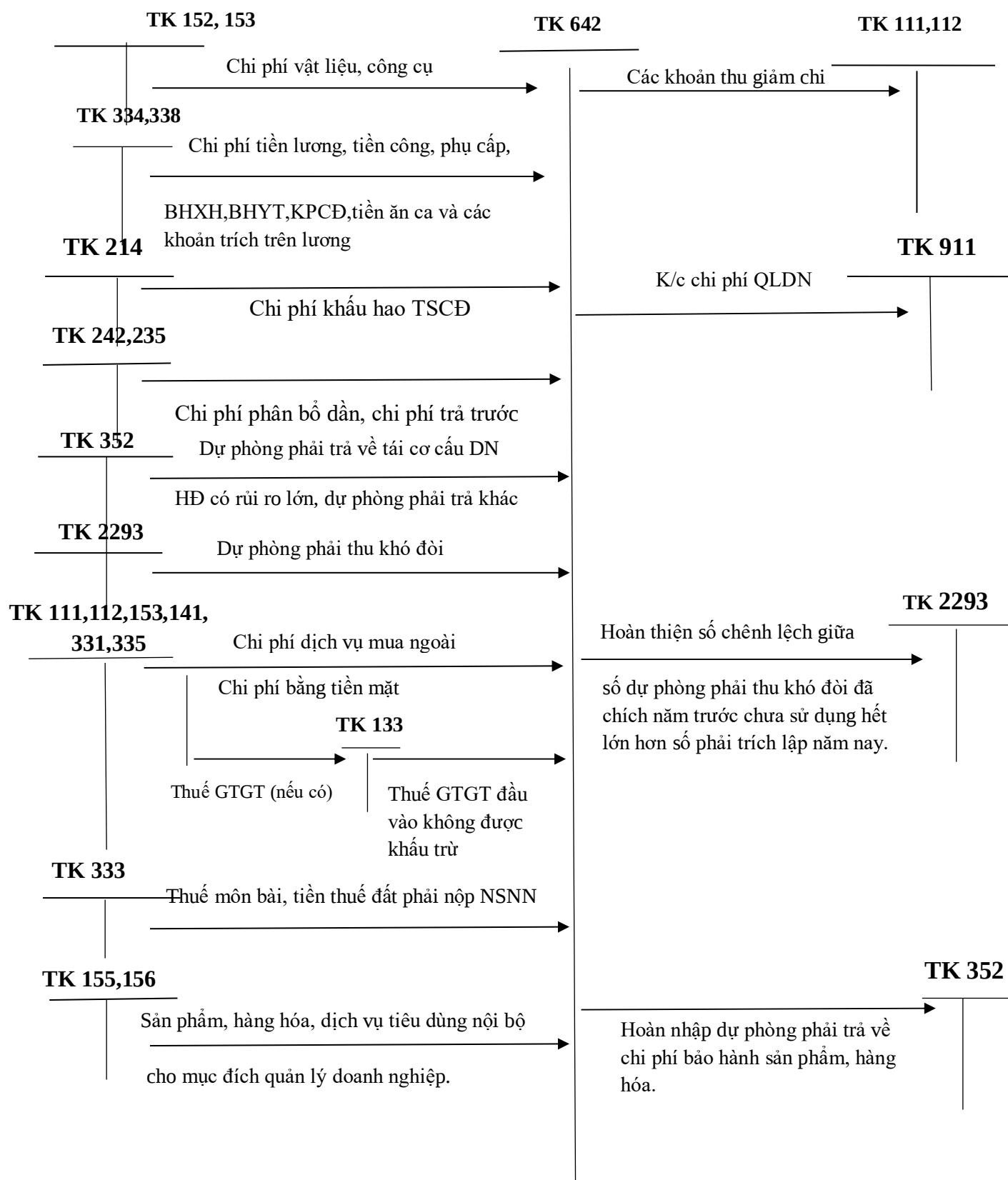
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng.



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán chi phí QLDN



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
- Số Thuế suất GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư.

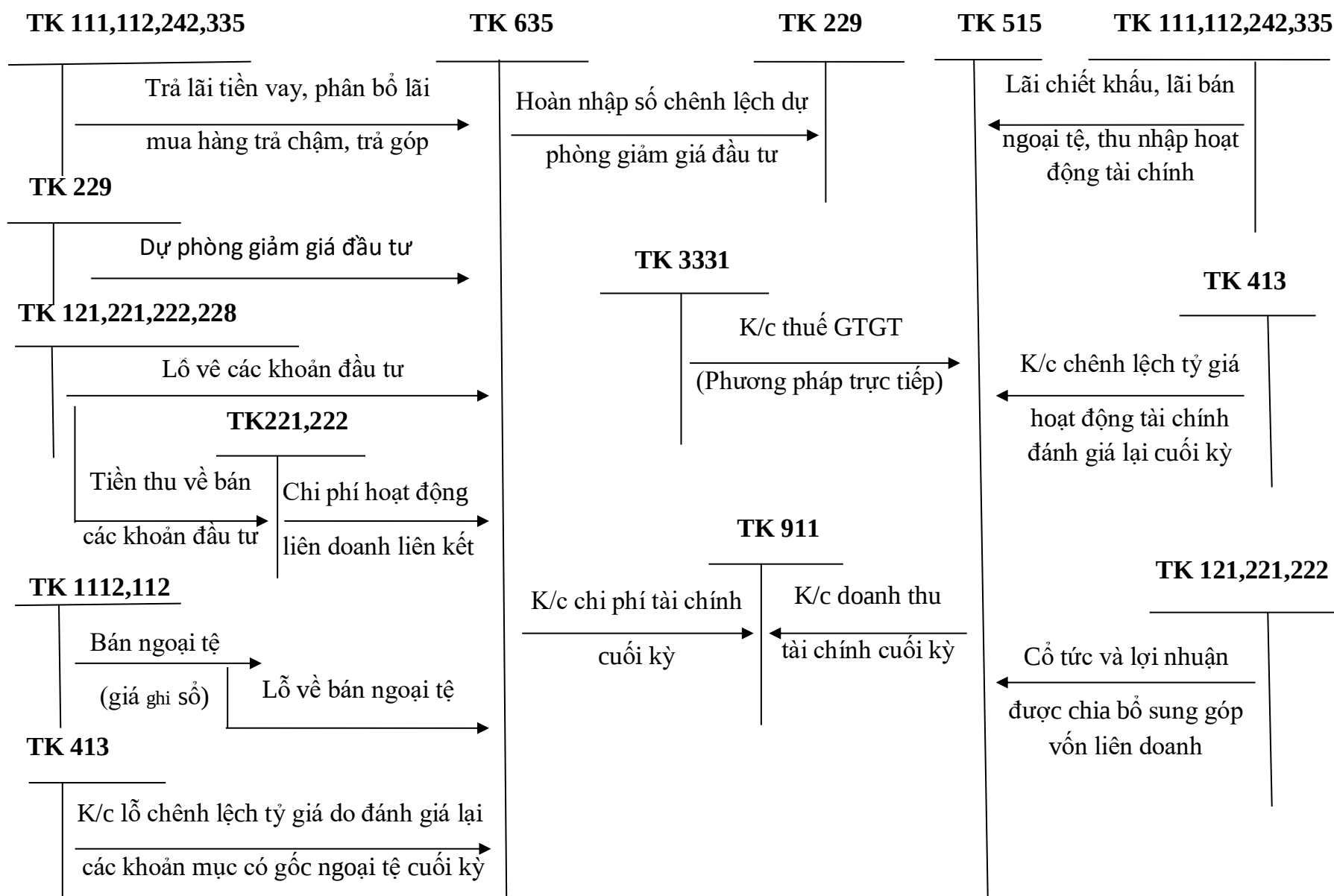
Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập hoạt động khác

Tài khoản 811 - Chi phí hoạt động khác

Kết cấu tài khoản 711

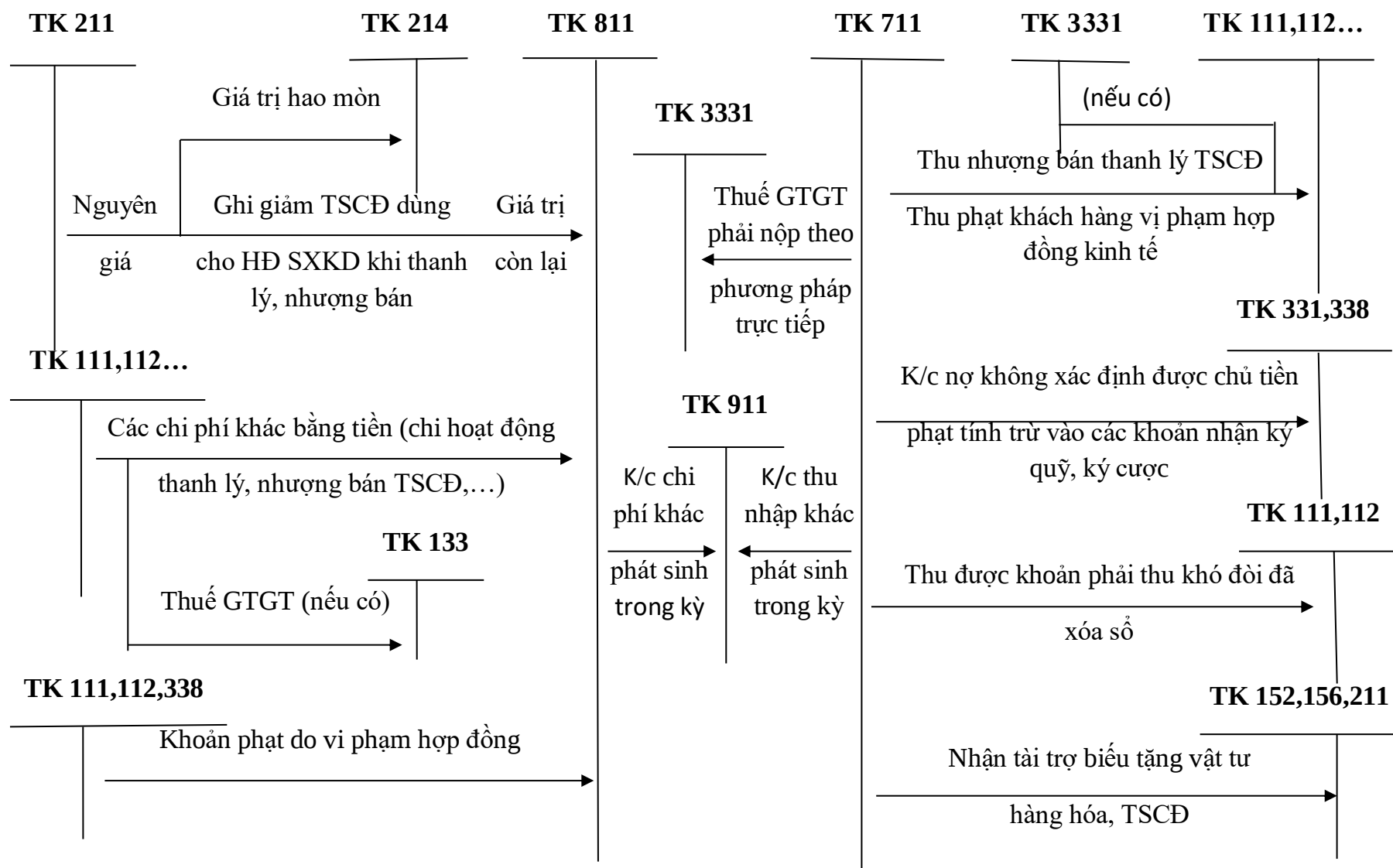
Nợ	TK 711	Có
- Số Thuế suất GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp Thuế suất GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 711 không có số dư.		

Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 811 không có số dư.		

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

20



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

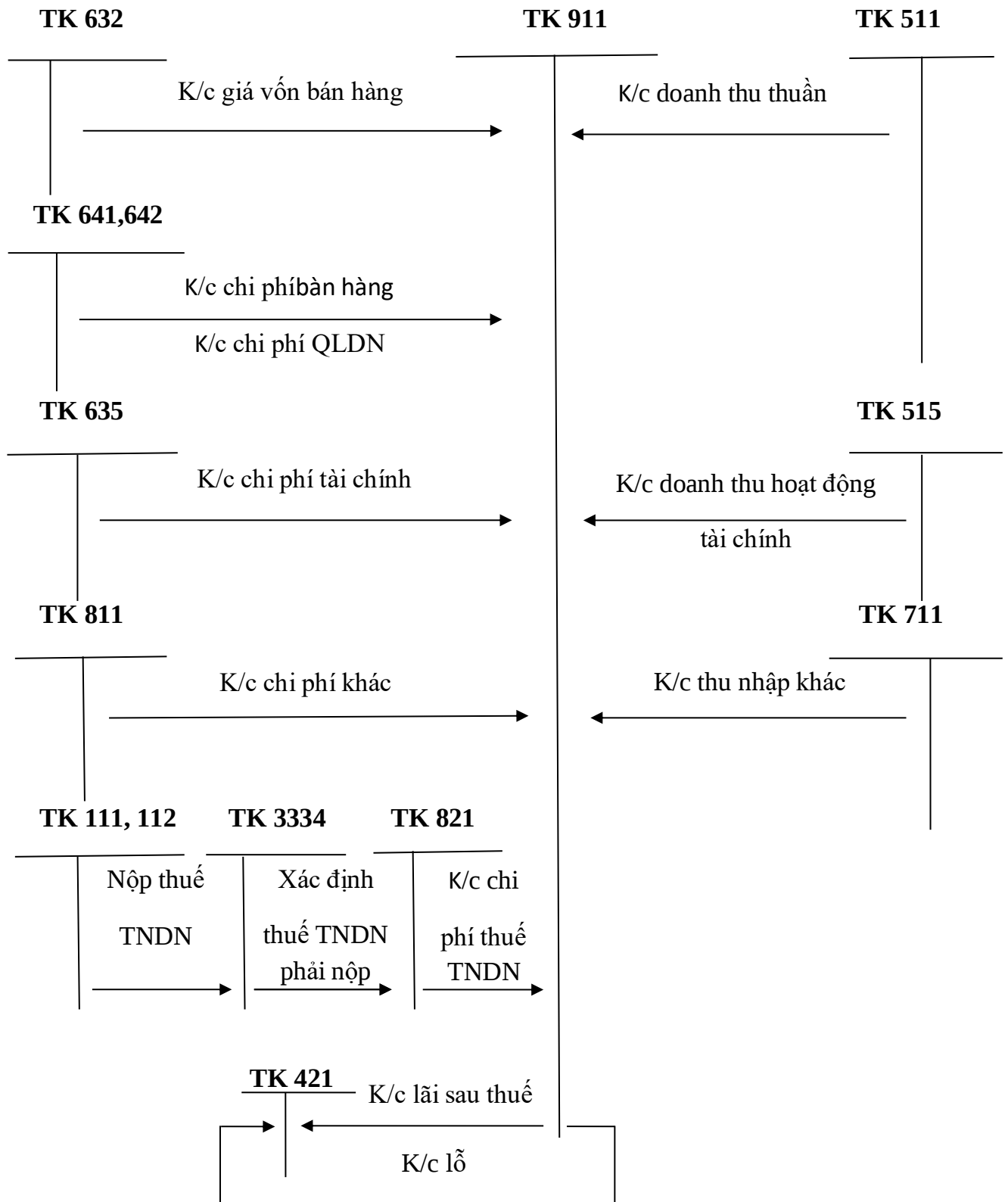
Kết cấu tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
- K/C trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - K/C chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác. - K/C chi phí bán hàng - K/C chi phí QLDN - K/C chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi sau thuế .		- K/C doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - K/C doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - K/C lỗ
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



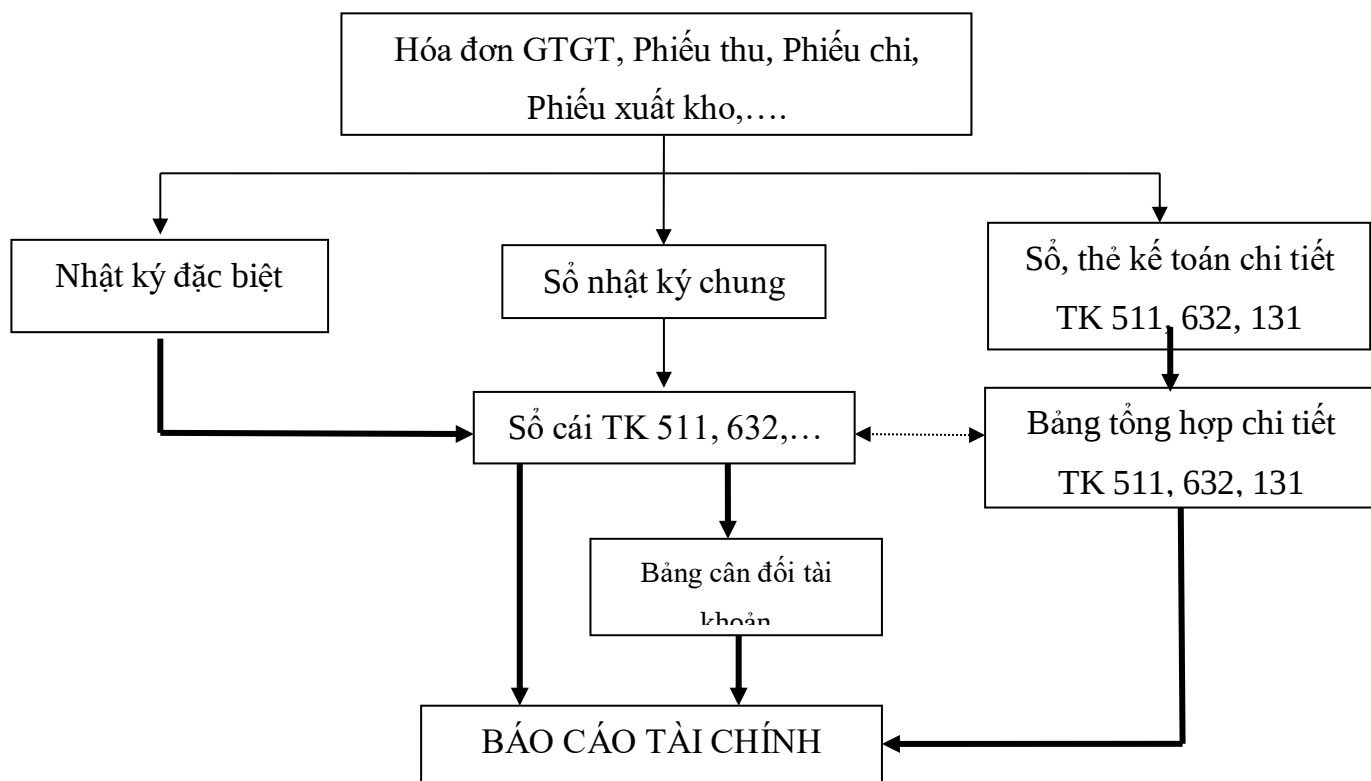
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

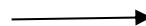
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



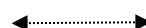
Ghi chú: Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

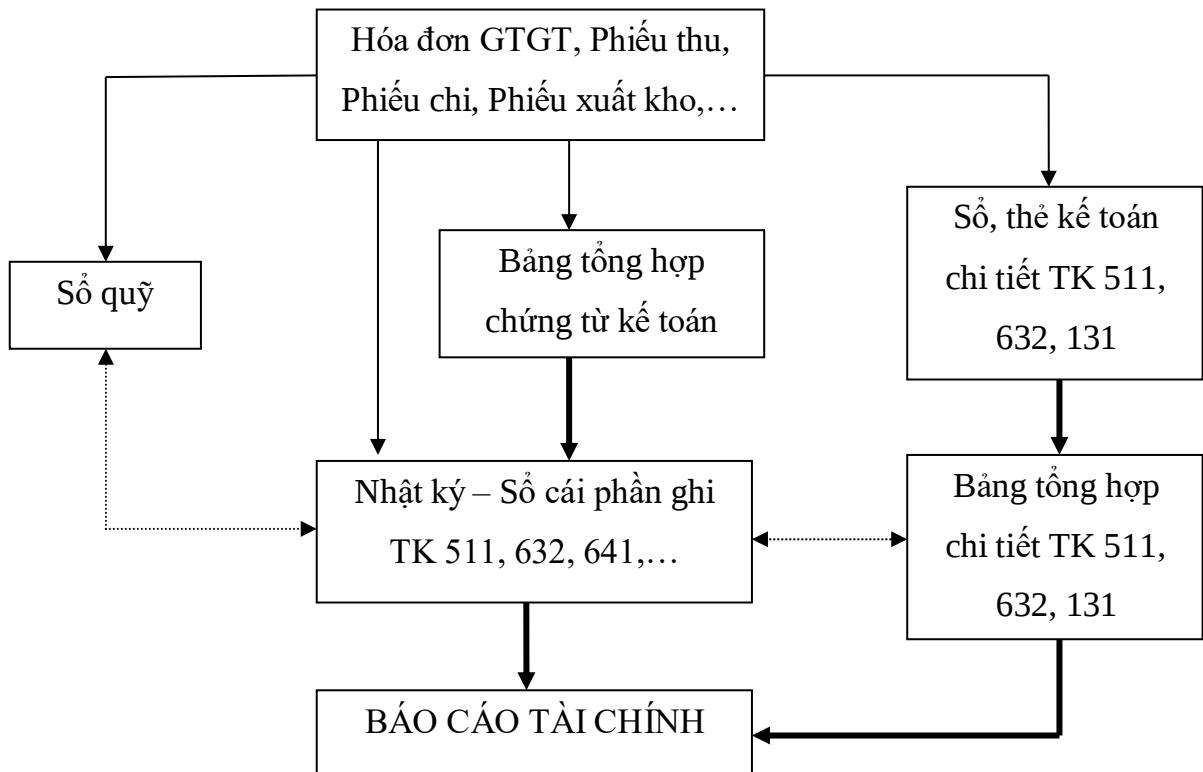


Đối chiếu:



1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

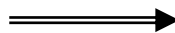


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng

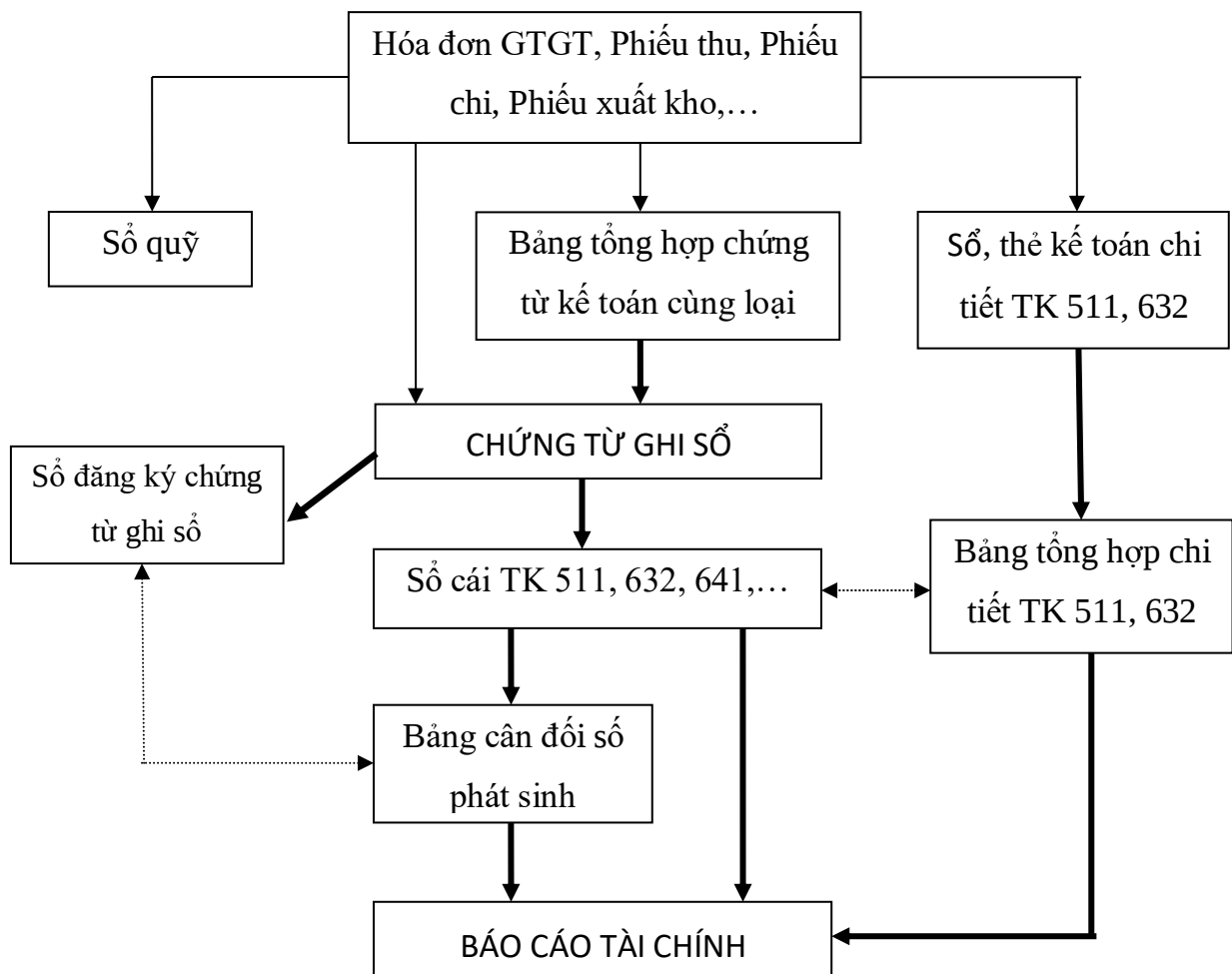


Đối chiếu, kiểm tra



1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú

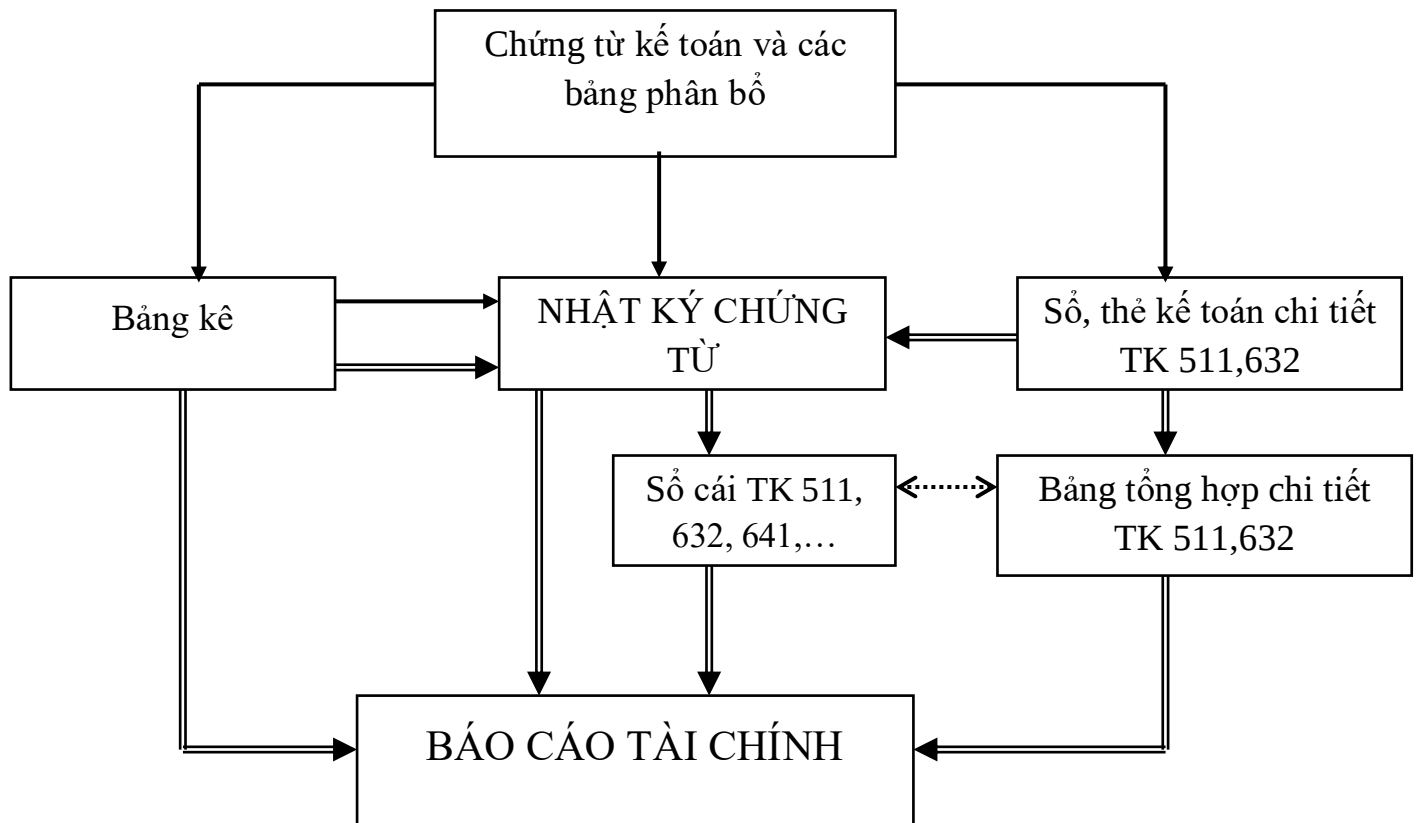
Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

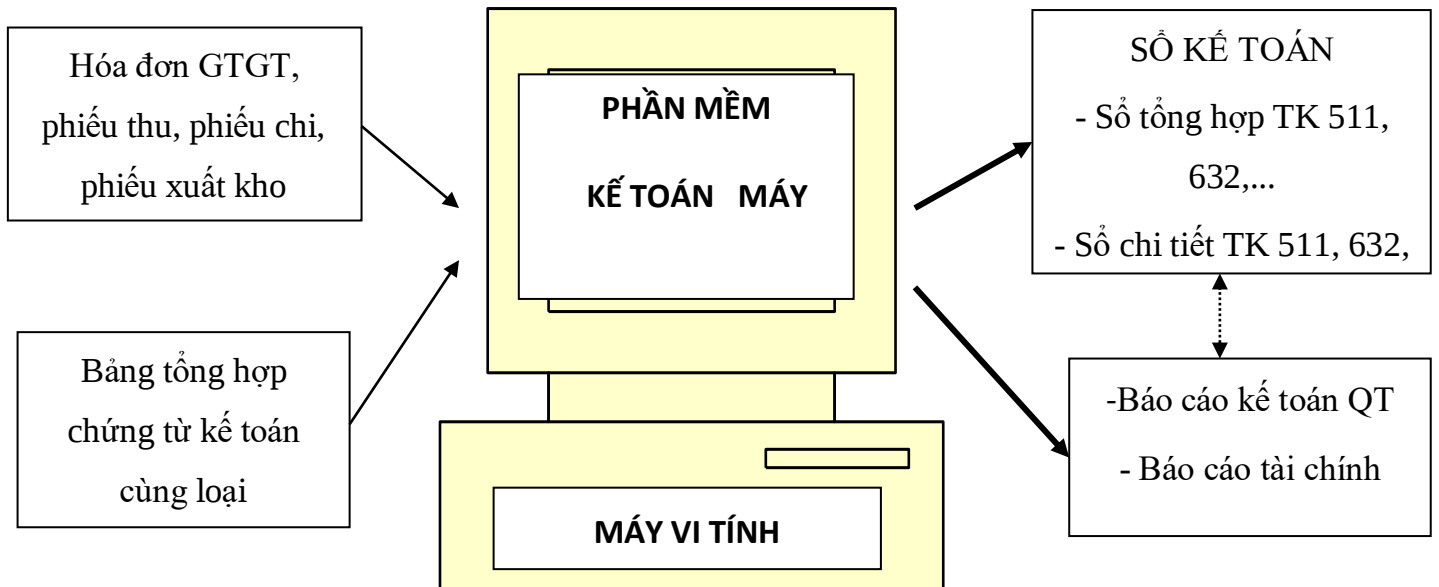
Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

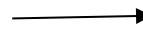
Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



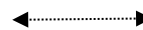
Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đối chiếu, kiểm tra:



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III

2.1. Khái quát chung về công ty xăng dầu khu vực III.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty xăng dầu khu vực III Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam (Petrolimex – Bộ Thương mại). Trụ sở của Công ty đóng tại số 1 Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng. Công ty được xác định là đại diện duy nhất của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam kinh doanh các loại gas, xăng dầu... trên địa bàn Thành phố Hải Phòng và khu vực lân cận.

Sự ra đời của công ty xăng dầu khu vực III không chỉ là bước ngoặt, bước đổi đời đối với công nhân xăng dầu Hải Phòng, không chỉ là một dấu mốc quan trọng cho sự ra đời ngành xăng dầu cách mạng mà chính nó đã khẳng định vị trí quan trọng của xăng dầu trong nền kinh tế quốc dân. Quá trình hình thành và phát triển của công ty là một quá trình đấu tranh, gian khổ nhưng vẻ vang, là quá trình hoàn thiện tổ chức và nhiệm vụ kinh doanh xăng dầu, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế trong từng thời kỳ của đất nước.

Ngày 19.1.1995 Bộ Thương mại ra Quyết định số 52 TM/TCCB hợp nhất Công ty dầu lửa và Tổng công ty xăng dầu thành Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, theo đó Chi nhánh dầu lửa Hải Phòng được hợp nhất với Công ty xăng dầu khu vực III và mang tên gọi cho đến nay là Công ty xăng dầu khu vực III.

Trong cơ chế mới, công ty không những tổ chức tốt hoạt động kinh doanh, đảm bảo thỏa mãn xăng dầu cho mọi nhu cầu của các ngành kinh tế, quốc phòn và đời sống xã hội còn đẩy nhanh quá trình nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới trang thiết bị, khẩn trương mở rộng và phát triển thị trường, tạo ra những lợi thế và giữ vững uy tín của mình trên thị trường khu vực. Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và nhiệm vụ chính trị ngành giao cho, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà Nước, ổn định và cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên.

***) Thông tin chung về công ty**

- Tên công ty tiếng việt: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III-TNHH MỘT THÀNH VIÊN.

- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX HAIPHONG CO., LTD

- Tên viết tắt là: PETROLIMEX HAI PHONG

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng – Việt Nam.

- Điện thoại: 031.3850632

Fax: 031.3850333

- Email: petrolimexhp@xdkv3.com.vn

Website: <http://kv3.petrokimex.com.vn>

-Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200120833 theo Quyết định số 0100107370 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/05/1995.

- Vốn điều lệ: 76.000.000.000^d

-Tên người đại diện: Ông Trần Minh Đức - Chức vụ :Chủ tịch Giám đốc công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Hoạt động kinh doanh của công ty được chia làm 3 nhóm chính như sau:

- + Kinh doanh xăng dầu chính.
- + Kinh doanh dầu nhờn, gas hoá lỏng và các thiết bị sử dụng gas
- + Sản xuất phụ, kinh doanh dịch vụ hàng giữ hộ, vận tải.

Mô hình kinh doanh của công ty hiện đang áp dụng với từng nhóm hàng kinh doanh như sau:

***Đối với xăng dầu chính** (gồm: xăng, diesel, nhiên liệu, dầu hoả, mazut): Việc tác hãg xăng dầu nước ngoài do Tổng Công ty đảm nhiệm.Công ty nhận hàng theo kế hoạch nguồn hàng, hợp đồng về số lượng, chủng loại, quy cách, chất lượng hàng hoá với hoạch điều động của ngành (từ công ty xăng dầu Khu vực II Sài Gòn, khu vực V Đà Nẵng, công ty xăng dầu B12 Quảng Ninh... về Hải Phòng). Giá hàng nhập kho và giá bán ra được quy định thống nhất trong ngành theo từng khu vực. Khi bán hàng, công ty được hưởng phần trăm hoa hồng trên doanh số bán, với các mức quy định cho từng năm.

*** Đối với dầu nhờn và gas:** Công ty làm tổng đại lý bán cho công ty dầu nhờn và công ty gas, hưởng hoa hồng đại lý trên doanh số bán ra.

*** Đối với các mặt hàng khác công ty tự khai thác:** Công ty hưởng 100% chênh lệch giữa giá nhập kho (hay giá mua) và giá bán.

Như vậy, hoạt động kinh doanh của công ty xăng dầu khu vực III thực chất và chủ yếu là nhằm vào mục tiêu đẩy mạnh quá trình bán hàng để tăng sản lượng hàng hoá tiêu thụ, tăng doanh thu để tăng phần chiết khấu định mức được hưởng, đồng thời phải tìm mọi cách để giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

2.1.3. Những thành tích của công ty đã đạt được.

Doanh thu, lợi nhuận của công ty ngày càng tăng, có điều kiện để tích lũy, đời sống của CBCNV không ngừng nâng lên, uy tín của doanh nghiệp ngày càng được củng cố : Petrolimex một gương mặt doanh nghiệp đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường Hải Phòng và cả nước qua 60 năm xây dựng và phát triển.

Từ những cố gắng trên đây, kết quả của sự phấn đấu bền bỉ và liên tục, sự vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế đã giúp cho công ty không những tồn tại mà còn không ngừng phát triển trong cơ chế thị trường để kinh doanh có hiệu quả, ổn định tổ chức, cơ sở vật chất, kho tàng máy móc thiết bị được từng bước hoàn thiện, đầu tư, trang bị mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Trải qua hơn 60 năm lịch sử vừa sản xuất và chiến đấu tập thể cán bộ CNV trong công ty đã đạt được những chiến công vẻ vang ghi trong những trang vàng lịch sử truyền thống của công ty đó là :

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.
- Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
- Và nhiều bằng khen của Chính phủ, của cấp Bộ Ngành, bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng. Nhiều cá nhân, tập thể của Công ty đã được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, bằng khen của Nhà nước và thành phố.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

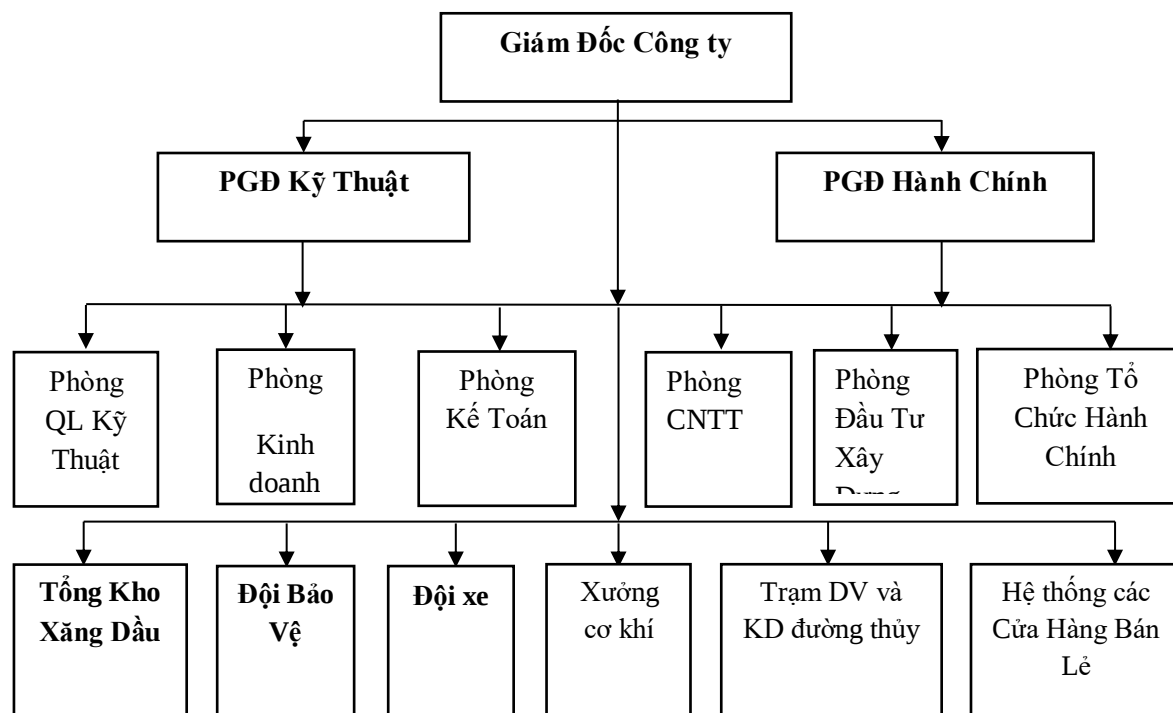
Để phù hợp với đặc điểm quản lý, hạch toán kinh doanh của Tổng công ty nhằm khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và thế mạnh của đơn vị, hiện nay bộ máy tổ chức quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến tham mưu gồm:

- 7 phòng ban nghiệp vụ: phòng kinh doanh xăng dầu, phòng kinh doanh gas, phòng tổ chức cán bộ- lao động tiền lương, phòng kế toán tài vụ, phòng quản lý kỹ thuật, phòng tin học và phòng hành chính quản trị

- 5 đơn vị trực thuộc: Tổng kho xăng dầu Thương Lý, xưởng cơ khí, đội xe, đội cứu hoả bảo vệ, kho vật tư.

- 62 cửa hàng bán buôn, bán lẻ.

Toàn bộ bộ máy quản lý của công ty được trình bày theo sơ đồ sau:

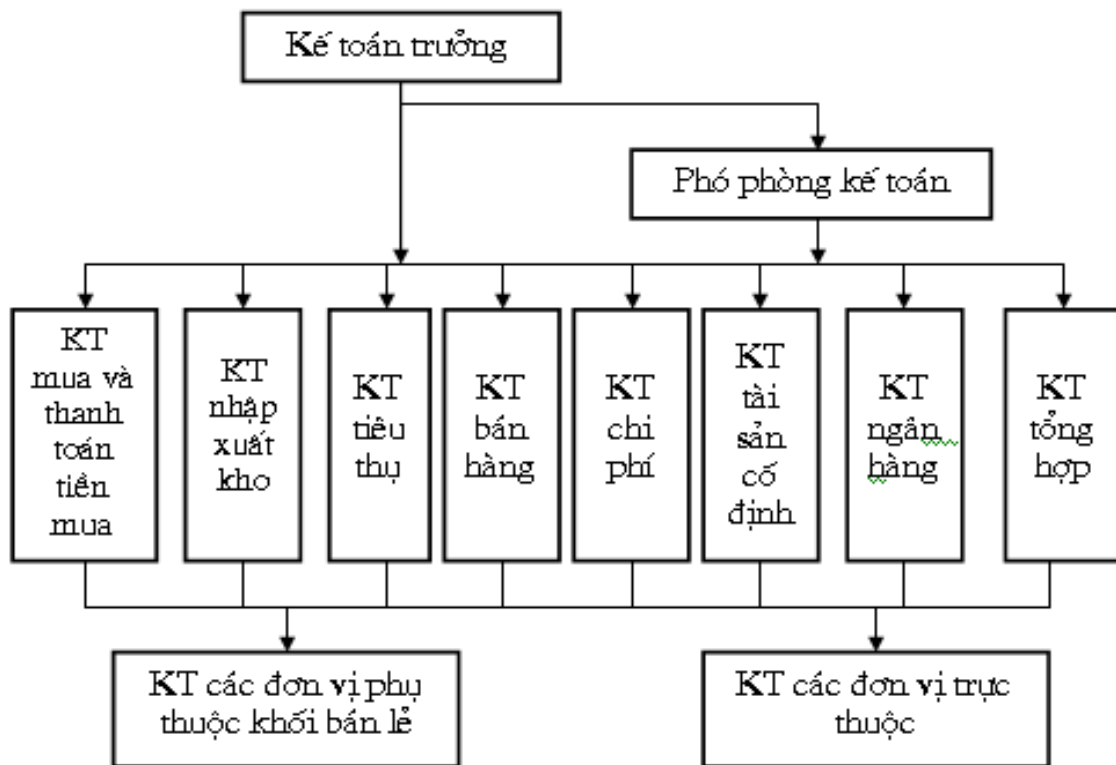


2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng Tài chính kế toán. Trong phòng, kế toán trưởng điều hành và quản lý trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn bộ công ty. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TÁC BỘ MÁY KẾ TOÁN



* Cơ cấu của bộ máy kế toán

1. Kế toán trưởng: là người phụ trách chung, giúp cho giám đốc thực hiện pháp lệnh kế toán thống kê và điều lệ kế toán của nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về công tác kế toán thống kê toàn công ty.

2. Phó phòng kế toán: là người giúp việc cho kế toán trưởng và có trách nhiệm hướng dẫn các nhân viên kế toán về công tác hạch toán kế toán. Cuối cùng là các kế toán viên, mỗi kế toán viên theo dõi một phần kế toán của công ty.

Công ty có một số đơn vị trực thuộc, mỗi đơn vị trực thuộc có một kế toán viên thực hiện công tác hạch toán theo phương thức báo sổ.

3. Kế toán kho hàng:

- Ghi chép, phân loại, kiểm tra tính chính xác các chứng từ phát sinh liên quan đến nhập - xuất - tồn kho hàng hóa.

4. Kế toán tiêu thụ:

- Ghi chép, phân loại tính chính xác các nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, các khoản thu nhập tại chính, thu nhập bên thứ ba. Sắp xếp theo dõi tài khoản sẽ

tiền lỗ phÝ giao th«ng ph¶i thu qua gi, x«ng dÇu vµ thuÕ GTGT ph¶i nép vµo ng©n s, ch Nhµ n-íc.

5. KÕ to,n theo dãi c«ng nĩ (2 ng-êi):

- ChĐu tr, ch nhiÖm theo dãi, kiÓm tra chÆt chĩ c, c kho¶n c«ng nĩ ph¶i thu cña kh, ch hụng theo ®óng híp ®ång ®· ký kÕt. B, o c, o kÐp thêi c, c kho¶n c«ng nĩ chÈm tr¶, c«ng nĩ khã ®ßi ®Ó l·nh ®'o C«ng ty cã biÖn ph, p xõ lý.

6. KÕ to,n c«ng nĩ néi bé ngunh:

- Theo dãi c«ng nĩ ph¶i thu vµ ph¶i tr¶ cña c, c ®-n vÐ trong ngunh trùc thuéc tæng c«ng ty x«ng dÇu ViÖt nam.

7. KÕ to,n chi phÝ (2 ng-êi) :

- Theo dãi, h'ch to,n chÝnh x, c c, c kho¶n chi phÝ ph, t sinh theo ®óng chÕ ®é chÝnh s, ch cña Nhµ n-íc còng nh- cña Tæng c«ng ty x«ng dÇu ViÖt nam. Gióp KÕ to,n tr-êng ®Ò ra c, c biÖn ph, p tiÕt kiÖm chi phÝ còng nh- x©y dùng kÕ ho'ch chi phÝ to,n c«ng ty.

8. KÕ to,n TiÒn mÆt - TiÒn gõi ng©n hụng:

- KiÓm tra tÝnh híp lý, híp ph, p cña c, c chøng tõ chi tiªu quĩ tiÒn mÆt. ChĐu tr, ch nhiÖm lµm c, c thñ t«ch chuyÓn tiÒn ra; vµo tµi kho¶n cña C«ng ty t'ì ng©n hụng. Theo dãi h'ch to,n c, c tµi kho¶n tiÒn mÆt; tiÒn gõi ng©n hụng; tiÒn ®ang chuyÓn.

9. KÕ to,n tµi s¶n cè ®Þnh

- Theo dãi h'ch to,n chÝnh x, c t×nh h×nh t'ng gi¶m tµi s¶n cè ®Þnh vµ trÝch khÊu hao theo ®óng qui ®Þnh cña Nhµ n-íc.

10. KÕ to,n x©y dùng c¬ b¶n:

- Theo dãi h'ch to,n chÝnh x, c c, c c«ng tr×nh x©y dùng c¬ b¶n ®· hoµn thµnh ®-a vµo sã dông vµ c, c c«ng tr×nh x©y dùng c¬ b¶n dẽ dang theo c, c v'ñ b¶n ph, p qui cña nhµ n-íc

11. KÕ to,n tæng híp

- Gióp kÕ to,n tr-êng tæng híp, kiÓm tra sè liÖu, lËp b, o c, o quyÕt to,n.

C«ng ty cã ba ®-n vÐ trùc thuéc ®ã lµ: ®éi xe; Cõa hụng kinh doanh vËt t- tæng híp vµ x-êng c¬ khÝ mçi bé phËn cã mét kÕ to,n vi'ñ thùc hiÖn c«ng t, c h'ch to,n kÕ to,n theo ph-ng thøc b, o sã.

KÕ to,n khèi cõa hụng b, n lĩ cã nhiÖm v« theo dãi thèng kÕ l-êng hụng xuÊt di chuyÓn néi bé t« kho C«ng ty tĩ cõa hụng, l-êng hụng vµ doanh sè b, n

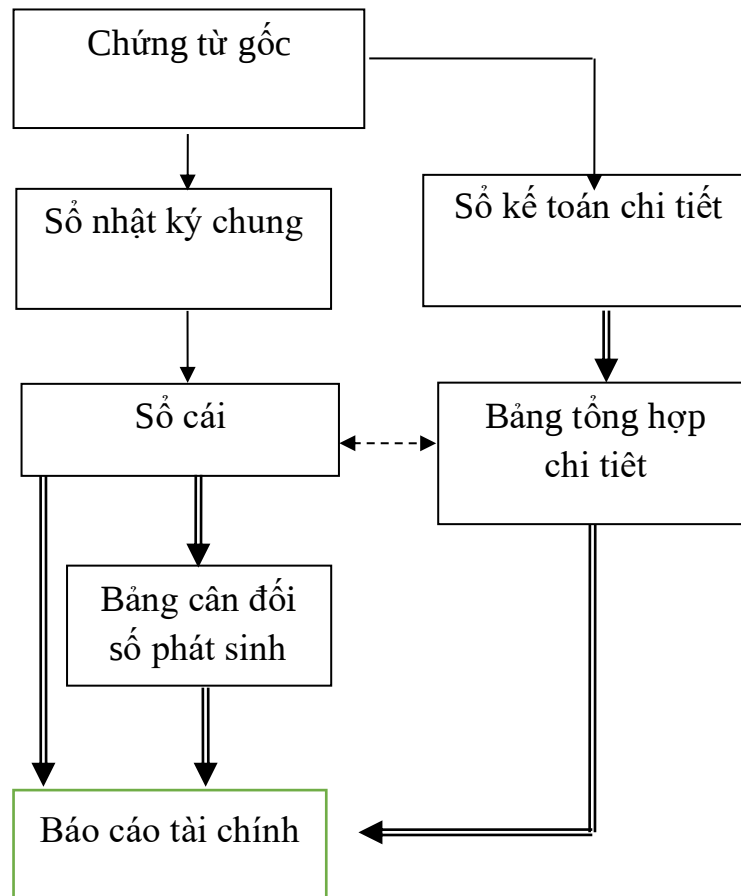
ra trong kú, l-îng hụng t n kho cu i k , tr n c  s     l p b,o c,o g i v  Ph ng kinh doanh t p h p s  l-îng v  Ph ng k  to,n t p h p gi, tr .   ng th i k  to,n c a h ng ph i theo d i, l p b,o c,o c,c kho n thu chi t  qu  chi ti u nh- ti n l- ng v  c,c kho n chi ph  do C ng ty giao k  ho ch t i c a h ng    g i v  ph ng K  to,n h ch to,n.

2.1.5.2. Chính sách kế toán của công ty

C ng ty X ng Dầu khu vực III  p dụng ch  độ kế toán ban hành theo Thông tư s  200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VN )
- C ng ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao  p dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng

Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Quan hệ đối chiếu: <-.-.->

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công xăng dầu khu vực III.

2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

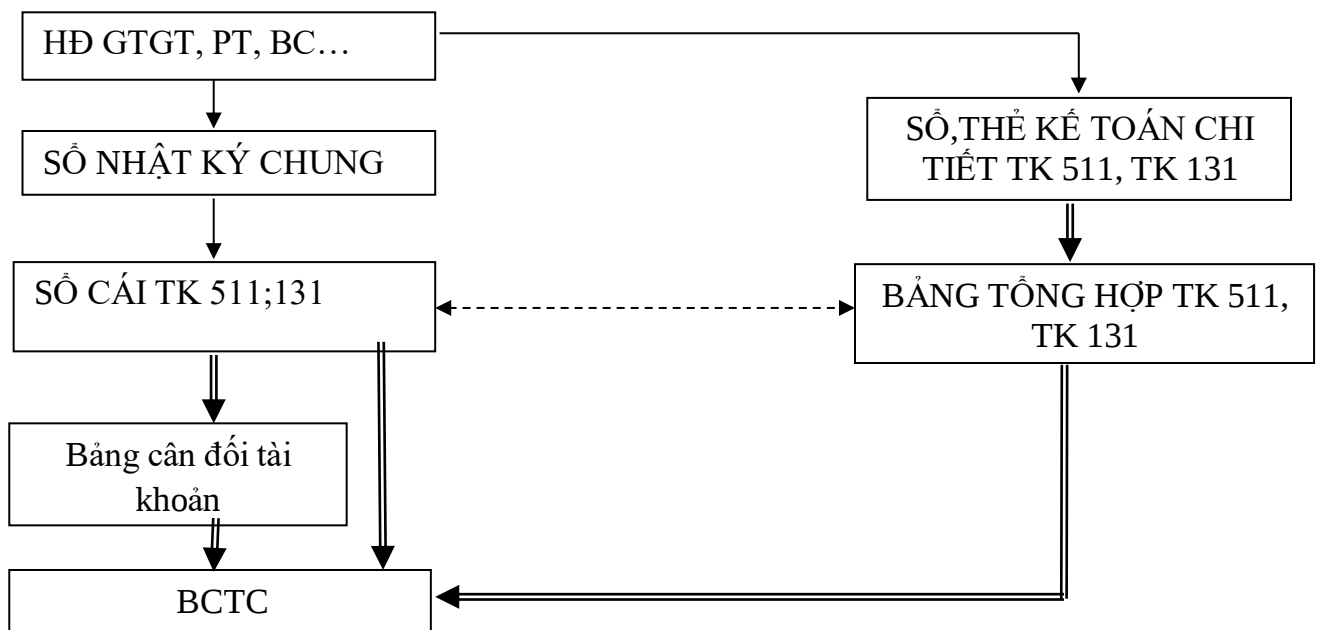
a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng:

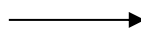
- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

c. Quy trình hạch toán

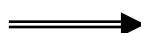


Ghi chú:

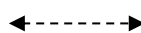
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ



Đối chiếu, kiểm tra.



Ví dụ 2.1: Ngày 05/06/2017 bán 8000 lít dầu DIESEL0.05S cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng theo hóa đơn số 00000761 với trị giá chưa thuế là 110.000.000 VNĐ, chưa thanh toán. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000761 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 121.000.000

Có TK 511: 110.000.000

Có TK 3331: 11.000.000

Từ hóa đơn GTGT số 0000761 (Biểu số 2.1) kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.10), Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 333.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

Ví dụ 2.2: Ngày 06/06/2017 bán 1700 lít dầu hỏa cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng 00000768 với trị giá chưa thuế 20.995.000 VNĐ, thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000768 (Biểu số 2.2) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 23.094.500

Có TK 511: 20.995.000

Có TK 3331: 2.099.500

Từ hóa đơn GTGT số 0000768 (Biểu số 2.2) kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.10), Sổ cái TK 112, Sổ cái TK 333.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính

Biểu số 2.1 HOÁ ĐƠN GTGT

Công ty Xăng Dầu Khu Vực III

Mẫu số:01GTKT3/001

Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

Ký hiệu: AA/ 17P

0000761

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 05/06/2017

Đơn vị bán hàng: Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mã số thuế: 0200120833

Địa chỉ: Số 1,Phường Sở Dầu,Quận Hồng Bàng,thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Họ tên người mua hàng: Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng

Địa chỉ: Toà nhà điều hành Khu CN Nomura - Huyện An Dương - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200107945

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DIESEL0.05S	Lít	8000	13.750	110.000.000
	Cộng tiền hàng				110.000.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền Thuế GTGT :			11.000.000
				Tổng cộng tiền thanh toán :	121.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai mươi một triệu đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Giám đốc	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2 HOÁ ĐƠN GTGT

Công ty Xăng Dầu Khu Vực III

Mẫu số:01GTKT3/001

Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

Ký hiệu: AA/ 17P

0000768

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 06/06/2017

Đơn vị bán hàng: Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mã số thuế: 0200120833

Địa chỉ: Số 1,Phường Sở Dầu,Quận Hồng Bàng,thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Họ tên người mua hàng: Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng

Địa chỉ: Toà nhà điều hành Khu CN Nomura - Huyện An Dương - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200107945

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu hỏa	Lít	1700	12.350	20.995.000
	Cộng tiền hàng				20.995.000

Thuế suất GTGT : 10%

Tiền Thuế GTGT :

2.099.500

Tổng cộng tiền thanh toán :

23.094.500

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng chẵn.

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.3 GIẤY BÁO CÓ



GIẤY BÁO CÓ

Số TK: 102010000973275

Tên Tài khoản: Công ty Xăng Dầu khu vực 3

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
06/06/2017	23.094.500	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ

NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng –
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Số TK: 102010000973275

Người chuyển: CÔNG TY phát triển công
nghiệp NOMURA Hải phòng

Nội dung giao dịch: Thanh toán tiền hàng

Biểu số 2.4 SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Đơn vị: Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận

Hồng Bàng - HP

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Dầu DIESEL0.05S

Tháng 6 Năm 2017

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
								
5/06	HĐ 761	5/06	Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng	131	8000	13.750	110.000.000	0
7/06	HĐ 796	7/06	Bán cho vận tải Bảo Anh	112	500	13.750	6.875.000	0
8/06	HĐ 801	8/06	Bán cho Cty TNHH Việt Hùng	131	3200	13.750	44.000.000	0
								
			Cộng số phát sinh		139.110		1.975.362.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5 SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Đơn vị: Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận
Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Dầu Hỏa

Tháng 6 Năm 2017

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
								
6/06	HĐGTG T768	6/06	Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng	112	1700	12.350	20.995.000	0
9/06	HĐGTGT 896	9/06	Bán cho TNHH Phú Hưng	112	350	12.350	4.322.500	0
11/06	HĐGTGT 951	11/06	Bán cho Cty An Việt	112	800	12.350	9.880.000	0
								
			Cộng số phát sinh		89.098		1.158.274.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

(Trích)

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
1	Dầu DIESEL0.05S	1.975.362.000	0	1.975.362.000
2	Dầu Hỏa	1.158.274.000	0	1.158.274.000
3	Xăng RON 95	12.400.324.000	0	12.400.324.000
				
	Cộng	105.815.514.520	0	105.815.514.520

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7 SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Đơn vị: Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S31 – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận
 Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 06 Năm 2017

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chi tiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					330.000.000	
			Số phát sinh trong kỳ						
6/06	HD 768	06/06	Mua 8000l dầu DIESEL 0.05S	511		110.000.000		440.000.000	
				3331		11.000.000		451.000.000	
10/06	GBC251	10/06	Trả tiền kỳ trước	112			30.000.000	421.000.000	
11/06	GBC278	11/06	Trả một phần tiền hàng ngày 06/06	112			100.000.000	321.000.000	
									
			Cộng số phát sinh			734.860.000	773.360.000		
			Số dư cuối kỳ					291.500.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8 SỔ TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

SỔ TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131(Trích)

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng	330.000.000	0	734.860.000	773.360.000	291.500.000	0
2	Cty TNHH An Thái	72.000.000	0	148.400.000	50.000.000	170.400.000	0
							
	Cộng	13.595.404.000	0	38.375.025.000	40.632.200.000	11.338.229.000	0

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
5/6	HĐ 761	05/06	Doanh thu bán hàng hóa	131	121.000.000	
				511		110.000.000
				3331		11.000.000
						
6/6	HĐ 768	06/06	Bán hàng thu CK	112	23.094.500	
				511		20.995.000
				3331		2.099.500
						
8/6	HĐ 801	08/06	Bán cho Cty TNHH Việt Hùng	131 511 3331	48.400.000	44.000.000 4.400.000
9/6	HĐ 896	09/06	Doanh thu bán hàng cho TNHH Phú Hưng	112 511 3331	4.754.750	4.322.500 432.250
						
			Cộng chuyển trang sau		12.194.690.255.313	12.194.690.255.313

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 511

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....		...						
5/6	HD761	05/6	Doanh thu bán dầu DIESEL C.ty NOMURA Hải phòng			131		110.000.000
								
6/6	HD768	06/6	Doanh thu bán dầu hỏa C.ty NOMURA Hải phòng			112		20.995.000
								
8/06	HD801	08/06	Doanh thu bán hàng Cty TNHH Việt Hùng			131		44.000.000
.....	..							
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	1.567.565.011.456	
							1.567.565.011.456	1.567.565.011.456
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 156- Hàng hóa....

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

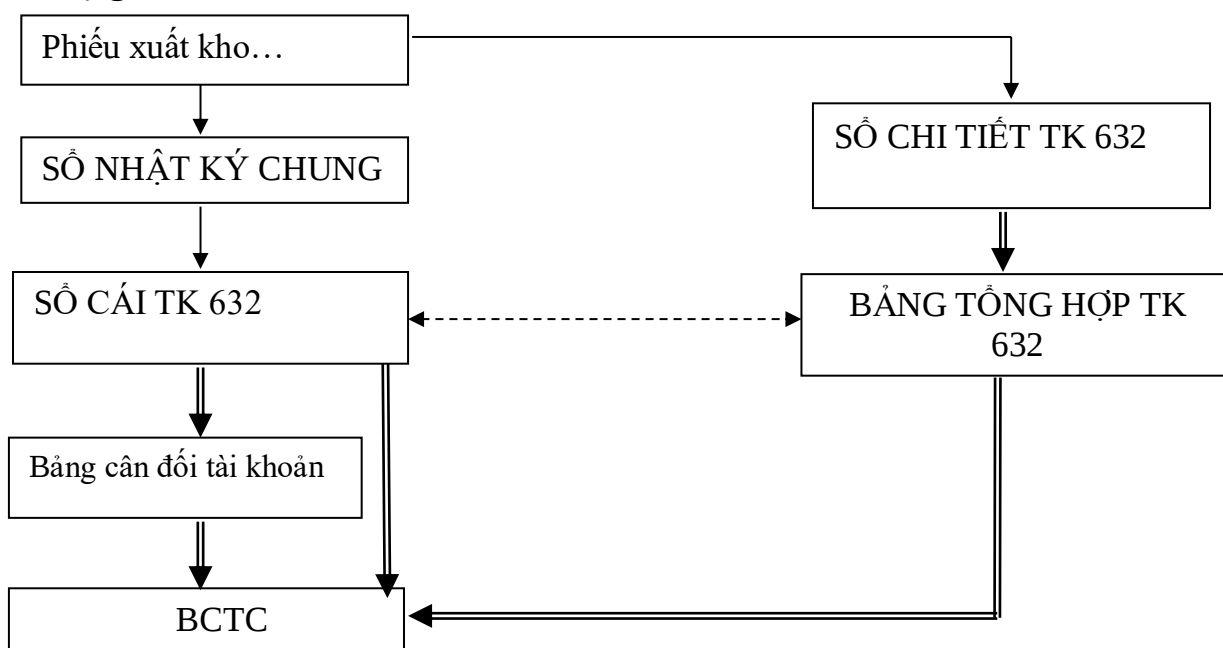
Giải thích

P_N : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

P_{TN} : Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

SL_N : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

c. Trình tự ghi sổ kế toán:



Ví dụ 2.3: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng Dầu DIESEL0.05S (tiếp VD 2.1).

- Ngày 01/06/2017 tồn kho 22.240 lít, đơn giá 12.150đ/lít
- Ngày 04/06/2017 nhập kho 5.060 lít, đơn giá 12.470đ/lít
- Ngày 05/06/2017 xuất kho 8000 lít bán cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng.

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 04/06

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của Dầu} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} (22.240 \times 12.200) + (5.060 \times 12.470) \\ (22.240 + 5.060) \end{array}}{\text{DIESEL 0.05S}} = 12.250\text{đ/lít}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 05/06 là: 8000 lít*12.250đ = 98.000.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 157 (Biểu số 2.11) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ 632: 98.000.000
Có TK 156: 98.000.000

Từ phiếu xuất kho số 157 (Biểu số 2.11) kế toán phản ánh giá vốn hàng bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16). sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.13) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.17), sổ cái TK 156. Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.4: Tính giá vốn mặt hàng dầu hỏa (tiếp VD 2.2)

- Ngày 01/06/2017 tồn kho 18.200 lít, đơn giá 10.330đ/lít
- Ngày 03/06/2017 nhập kho 7.200 lít, đơn giá 10.400đ/lít
- Ngày 06/06/2017 xuất kho 1.700 lít bán cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng.

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 03/06

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của dầu} \\ \text{hỏa} \end{array} = \frac{18.200 \times 10.330 + 7.200 \times 10.400}{18.200 + 7.200} = 10.350\text{đ/lít}$$

Trị giá xuất kho ngày 06/06: $1700 \times 10.350 = 17.595.000$

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 163 (Biểu số 2.12) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 17.595.000

Có TK 156: 17.595.000

Từ phiếu xuất kho số 163 (Biểu số 2.12) kế toán phản ánh giá vốn hàng bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16). sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.14) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.17), sổ cái TK 156. Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11: PHIẾU XUẤT KHO.

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận
 Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTCNgày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 06 năm 2017

Số: 157

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Trần Tuấn Việt

Địa chỉ (bộ phận) : Phòngkinh doanh.

Lý do xuất kho:Xuất bán cho công Công ty phát triển công nghiệp NOMURA

Hải phòng

Xuất tại kho : Công ty Xăng Dầu khu vực III

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Dầu DIESEL 0.05S		Lít	8000	8000	12.250	98.000.000
	Tổng cộng						98.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ) :*Chín mươi tám triệu đồng chẵn.*

Xuất, ngày 05tháng 06 năm 2017

Thủ kho

Người lập phiếu

Người nhận

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: PHIẾU XUẤT KHO

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận
 Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTCNgày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 06 năm 2017

Số: 163

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Trần Tuấn Việt

Địa chỉ (bộ phận) : Phòng kinh doanh.

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công Công ty phát triển công nghiệp NOMURA

Hải phòng

Xuất tại kho : Công ty Xăng Dầu khu vực III

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Dầu hỏa		Lít	1700	1700	10.350	17.595.000
	Tổng cộng						17.595.000

Cộng thành tiền (bằng chữ) : Mười bảy triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn.

Xuất, ngày 06 tháng 06 năm 2017

Thủ kho Người lập phiếu Người nhận Kế toán trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Sổ chi tiết hàng hóa.

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Dầu DIESEL 0.05S

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
5/06	PX157	05/06	Xuất bán cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng	8000	12.250	98.000.000
			...			
7/06	PX169	07/06	Bán cho vận tải Bảo Anh	500	12.250	6.125.000
			...			
8/06	PX172	08/06	Bán cho Cty TNHH Việt Hùng	3200	12.250	39.200.000
			...			
			Cộng phát sinh	139.110		1.792.5840.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết hàng hóa

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Dầu hỏa

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
6/06	PX163	06/06	Xuất bán cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA Hải phòng	1700	10.350	17.595.000
			...			
9/06	PX179	09/06	Bán cho TNHH Phú Hưng	350	10.350	3.622.500
			...			
11/06	PX195	11/06	Bán cho Cty An Việt	800	10.350	8.280.000
			...			
			Cộng phát sinh	89.098		981.772.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15: SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Số tiền
01	Dầu DIESEL0.05S	1.792.5840.000
02	Dầu Hỏa	981.772.000
03	Xăng RON 95	11.290.275.000
.....		
	Cộng	94.165.710.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16:Sổ Nhật Ký Chung

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ:Số 1- Phường Sở Dầu- Quận Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
5/6	PXK 157	05/06	Giá Vốn Hàng Bán	632	98.000.000	
				156		98.000.000
5/6	HD 761	05/06	Doanh thu bán hàng hóa cho Công ty phát triển công nghiệp NOMURA	131	121.000.000	
				511		110.000.000
				3331		11.000.000
						
6/6	PXK 163	06/06	Giá Vốn Hàng Bán	632	17.595.000	
				156		17.595.000
6/6	HD 768	06/06	Bán hàng thu CK Công ty phát triển công nghiệp NOMURA	112	23.094.500	
				511		20.995.000
				3331		2.099.500
						
			Cộng chuyển trang sau		12.194.690.255.313	12.194.690.255.313

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17: Sổ Cái 632

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...								
5/06	PX 157	05/6	Giá vốn dầu DIESEL bán cho C.ty NOMURA			156	98.000.000	
								
6/06	PX 163	06/6	Giá vốn dầu hỏa bán cho C.ty NOMURA			156	17.595.000	
								
9/06	PX 179	09/6	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Phú Hưng			156	3.622.500	
.....								
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		1.324.165.710.000
			Cộng phát sinh				1.324.165.710.000	1.324.165.710.000
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

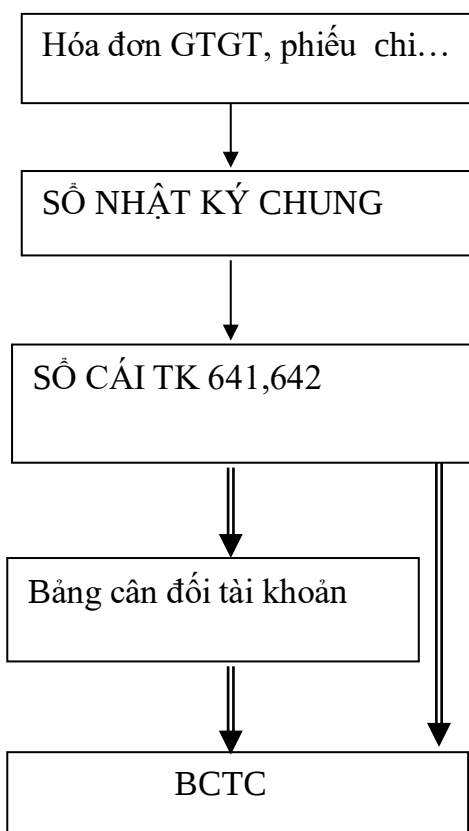
a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

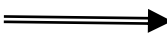
- TK 641 – Chi phí bán hàng.
- TK 642 – Chi phí QLDN.

c. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng 

VD 2.5: Ngày 18/06 thanh toán tiền vận chuyển 500 thùng phi dầu nhớt giá chưa thuế 4.500.000 VNĐ thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000876 (Biểu số 2.18) và phiếu chi số 21/06 (Biểu số 2.19) kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ 641: 4.500.000

Nợ 133: 450.000

Có 111: 4.950.000

Từ hóa đơn GTGT số 0000876 (Biểu số 2.18) và phiếu chi số 21/06 (Biểu số 2.19) kế toán phản ánh chi phí bán hàng vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.23), sổ cái TK 133 và sổ cái TK 111. Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VD 2.6: Ngày 20/06/2017 mua 5 thùng giấy A5 giá chưa thuế 1.100.000 VNĐ thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ HĐ GTGT số 0000912 (Biểu số 2.20) và phiếu chi số 28/06 (Biểu số 2.21) kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ 642: 1.100.000

Nợ 133: 110.000

Có 111: 1.210.000

Từ HĐ GTGT số 0000912 (Biểu số 2.20) và phiếu chi số 28/06 (Biểu số 2.21) kế toán phản ánh chi phí QLDN vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22), sổ cái TK 642 (Biểu số 2.24), sổ cái TK 133 và sổ cái TK 111. Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.18: HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/ 17P

0000876

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 2: Giao cho Khách hàng

Ngày 18/06/2017

Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thương Mại Hải Văn

Mã số thuế: 0201107899

Địa chỉ: Số 282 Đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Công ty Xăng Dầu khu vực 3

Địa chỉ: Số 1, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0200120833

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí vận chuyển				4.500.000
	Cộng tiền hàng				4.500.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền Thuế GTGT:			450.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.950.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu hai trăm mười ngàn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.19: Phiếu chi.

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng

Bàng - HP

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 06 năm 2017

Số :21/06

Nợ TK641: 4.500.000

Nợ TK133: 450.000

Có TK111: 4.950.000

Người nhận tiền: Nguyễn Quang Đạt

Đơn vị: Phòng Kinh Doanh

Về khoản: Trả tiền chi phí vận chuyển

Số tiền: 4.950.000 Bằng chữ: *Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng.*

Kèm theo.....Chứng từ gốc:

Ngày 18 tháng 06 năm 2017

Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.20: HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/ 17P

0000912

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 2: Giao cho Khách hàng

Ngày 20/06/2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Văn phòng phẩm Tường Nguyên

Mã số thuế: 0201792098

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Thành Đạt,số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ,quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Công ty Xăng Dầu khu vực 3

Địa chỉ: Số 1,Phường Sở Dầu,Quận Hồng Bàng,thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0200120833

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy A5	Thùng	5	220.000	1.100.000
	Cộng tiền hàng				1.100.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền Thuế GTGT:		110.000
			Tổng cộng tiền thanh toán:		1.210.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm mười ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.21: Phiếu Chi.

Đơn vị: : Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng

Bàng - HP

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 06 năm 2017

Số :28/06

Nợ TK642: 1.100.000

Nợ TK133: 110.000

Có TK111: 1.210.000

Người nhận tiền: Nguyễn Mạnh Hùng

Đơn vị: Phòng Kế Toán

Về khoản: Trả tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.210.000 Bằng chữ: *Một triệu hai trăm mười nghìn đồng.*

Kèm theo.....Chứng từ gốc:

Ngày 20 tháng 06 năm 2017

Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Một triệu hai trăm mười nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.22: Sổ nhật ký chung

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
18/06	PC21/06	18/06	Thanh toán tiền vận chuyển	641	4.500.000	
				133	450.000	
				111		4.950.000
						
20/06	PC 28/06	20/06	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm	642	1.100.000	
				133	110.000	
				111		1.210.000
22/06	PC48/06	22/6	Chi tiền tiếp khách	642	3.246.000	
				111		3.246.000
						
			Cộng chuyển trang sau		12.194.690.255.313	12.194.690.255.313

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 641.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1- Phường Sở Dầu- Quận Hồng Bàng- HP (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Bán Hàng

Số hiệu: 641

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	Chứng từ	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....		...						
18/06	PC 21/06	18/0 6	Thanh toán tiền vận chuyển			111	4.500.000	
								
30/6	KH 06	30/6	Trích khấu hao TSCĐ			214	80.048.645	
								
31/12	PKT	31/1 2	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		119.805.191.000
			Cộng phát sinh				119.805.191.000	119.805.191.000
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 642.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1- Phường Sở Dầu - Quận Hồng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Bàng - HP

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Quản Lý Doanh Nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐ Ư	Số phát sinh	
	Chứng từ	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....		...						
20/06	PC 28/06	20/06	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm			111	1.100.000	
								
22/06	PC 48/06	22/6	Chi tiền tiếp khách			111	3.246.000	
								
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			911		97.540.177.000
			Cộng phát sinh				97.540.177.000	97.540.177.000
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.2. *Kế toán doanh thu và chi phí tài chính*

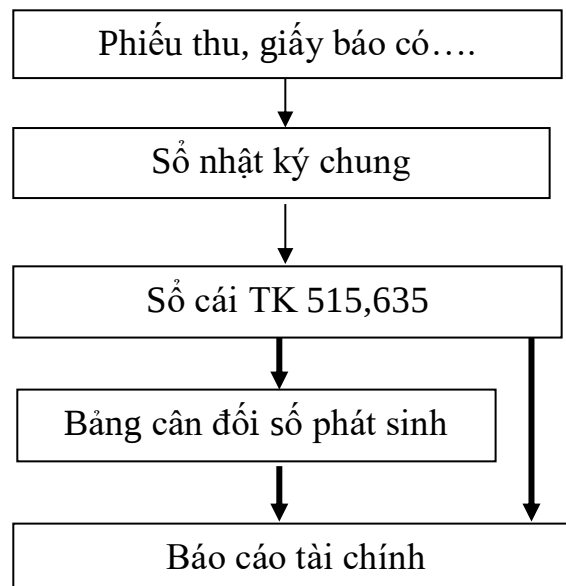
a. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu
- Giấy báo có .
- Phiếu kế toán.

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu tài chính.
- TK 635 Chi phí tài chính

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

VD 2.6: Ngày 25/06 Ngân hàng CP Á Châu ACB thông báo lãi nhập vốn là 513.521 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có 15/06 (Biểu số 2.25) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 112: 513.521

Có TK 515: 513.521

Từ giấy báo có 15/06 (Biểu số 2.25) kế toán phản ánh doanh thu tài chính vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.27) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.28) Sổ cái TK 112.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài

VD 2.7: Ngày 30/06 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho Ngân hàng VietinBank số tiền 2.251.273 VNĐ.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (Biểu số 2.26) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 2.251.273

Có TK 112: 2.251.273

Từ Giấy báo Nợ (Biểu số 2.26) kế toán phản chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.27) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.29), Sổ cái TK 112.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài

Biểu số 2.25: Giấy báo Có



GIAY BAO CO Ma GDV NGO THI CHI

Chi nhánh ACB-CN Hải Phòng Ngày 25/06/2017 Ma KH 54321

So GD 15/06

Kính gửi: công ty Xăng dầu khu vực III

Mã số thuế: 0200120833

Hôm nay chúng tôi xin báo đa ghi CO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi nợ: 21052316000074

Số tiền ghi bằng số : 513.521

Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười ba nghìn năm trăm hai một đồng.

Nội dung: nhận lãi tiền gửi của ngân hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.26: Giấy báo Nợ



GIẤY BÁO NỢ

Số TK: 102010000973275

Tên Tài khoản: Công ty Xăng Dầu khu vực 3

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi nợ với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
30/06/2017	2.251.273	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ

NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng –
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Số TK: 102010000957101

Người thụ hưởng: NHTMCP CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM

Nội dung giao dịch: Trả lãi tiền vay

Biểu số 2.27: Sổ Nhật ký chung.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03a – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
25/06	GBC 156	25/06	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB	515	513.521	
				112		513.521
						
30/06	GBN	30/06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietinbank	635	2.251.273	
				111		2.251.273
.....						
			Cộng chuyển trang sau		12.194.690.255.313	12.194.690.255.313

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Sổ cái 515.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1- Phường Sở Dầu- Quận Hồng Bàng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
- HP

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....		...						
25/06	BC 15/06	25/06	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB			112		513.521
								
31/12	PKT	31/1 2	Kết chuyển doanh thu TC			911	53.368.000	
			Cộng phát sinh				53.368.000	53.368.000
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: Sổ cái 635.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu- Quận Hồng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Bàng - HP

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....		...						
30/06	GBN	30/06	Chi trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietinbank			112		2.251.273
								
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí TC			911	105.755.000	
			Cộng phát sinh				105.755.000	105.755.000
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

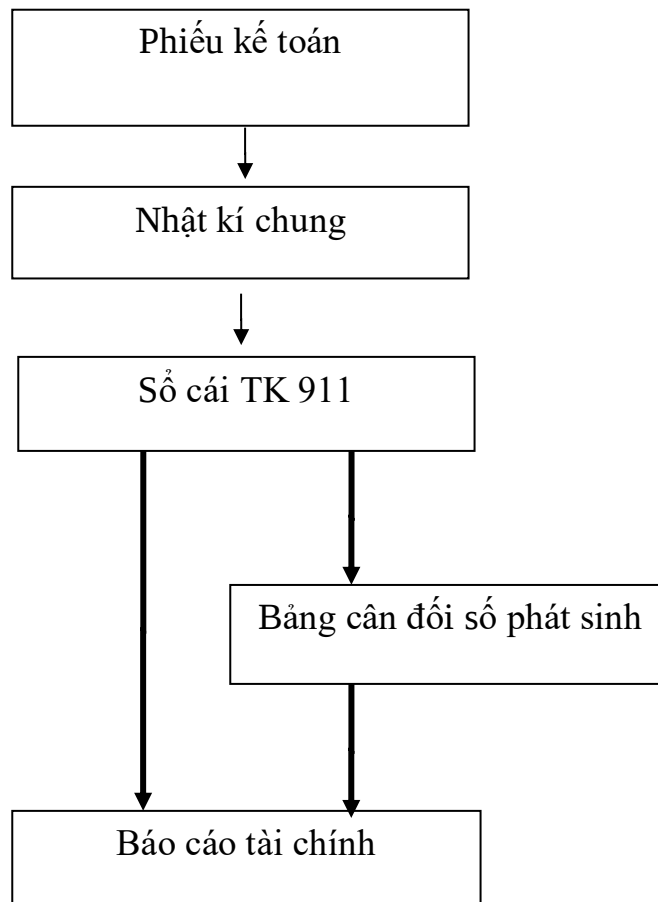
a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng: - TK 911

- Các TK khác có liên quan.

c. Sơ đồ : Quy trình hạch toán



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi cuối tháng, định kỳ

Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III

Số 1 - Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

NTGS	Diễn Giải	TK Nợ	TK Có	Số Tiền
31/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	632	1.324.165.710.000
31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	119.805.191.000
31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	97.540.177.000
31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	105.755.000
	Cộng			1.541.616.833.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III

Số 1 - Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

NTGS	Diễn Giải	TK Nợ	TK Có	Số Tiền
31/12	Kết chuyển doanh thu	511	911	1.567.565.011.456
31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	53.368.000
	Cộng			1.567.618.379.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III

Số 1 - Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

NTGS	Diễn Giải	TK Nợ	TK Có	Số Tiền
31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3334	5.200.309.291
	Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III

Số 1 - Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

NTGS	Diễn Giải	TK Nợ	TK Có	Số Tiền
31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	5.200.309.291
	Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công Ty Xăng Dầu Khu Vực III

Số 1 - Phường Sở Dầu – Quận Hồng Bàng- HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

NTGS	Diễn Giải	TK Nợ	TK Có	Số Tiền
31/12	Kết chuyển lãi sau thuế	911	421	20.801.237.165
	Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29: SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - HP

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	1.567.565.011.456	
				911		1.567.565.011.456
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	53.368.000	
				911		53.368.000
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	1.324.165.710.000	
				632		1.324.165.710.000
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	105.755.000	
				635		105.755.000
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	119.805.191.000	
				641		119.805.191.000
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	97.540.177.000	
				642		97.540.177.000
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển chi phí thuế	911	5.200.309.291	
				821		5.200.309.291
31/12	PKC	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế	911	20.801.237.165	
				421		20.801.237.165
			Cộng chuyển trang sau		12.194.690.255.313	12.194.690.255.313

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: SỔ CÁI 911.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng -
HP

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu 911

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T. số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
			Số phát sinh trong tháng					
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		1.567.565.011.456
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		53.368.000
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	1.324.165.710.000	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	119.805.191.000	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp				97.540.177.000	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635	105.755.000	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	5.200.309.291	
31/12	PKT	31/12	Xác định kết quả kinh doanh			421	20.801.237.165	
			Cộng phát sinh				1.567.618.379.456	1.567.618.379.456

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: SỔ CÁI 821.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 1- Phường Sở Dầu - Quận Hồng
Bàng -HP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu 821

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T. số	STT dòn g		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12	PKT	31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp			3334	5.200.309.291	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			911		5.200.309.291
			Cộng phát sinh				5.200.309.291	5.200.309.291

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32: SỔ CÁI 421.

Công ty Xăng Dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 - Phường Sở Dầu - Quận

Hồng Bàng - HP

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu 421

Năm 2017

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T. số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					5.241.124.120
			Số phát sinh trong kỳ					
								
31/12	PKT	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			911		20.801.237.165
			Cộng phát sinh				13.577.240.105	20.801.237.165
			Số dư đầu kỳ					12.465.121.180

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TYXĂNG DẦU KHU VỰC III

3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Xăng dầu khu vực 3

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty theo mô hình tập trung là phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh và quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy năng lực làm việc của bản thân.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với doanh nghiệp.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.

- **Về công tác kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Nhược điểm:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn một số hạn chế sau:

- Về Công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện nay công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

- Về việc áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty Xăng dầu khu vực III cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

-Về việc áp dụng chính sách ưu đãi thanh toán.

Hiện nay trong công tác bán hàng của công ty số khách nợ tiền hàng là khá nhiều, để khuyến khích khách hàng trả tiền công ty nên áp dụng chính sách ưu đãi(chiết khấu thanh toán).

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Xăng dầu khu vực III

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng trong công tác tổ chức kế toán của công ty còn tồn tại 1 số vấn đề hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3.2.1. Giải pháp 1: Công ty nên xây dựng và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm cho người mua vì đã thanh toán trước thời hạn hợp đồng.

- *Mục đích:* Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm.

-*Cách thức tiến hành:* Chiết khấu thanh toán là tính trên số tiền thanh toán nên bao gồm cả thuế GTGT. Chiết khấu thanh toán không được ghi giảm giá trên hóa đơn bán hàng. Đây là một khoản chi phí tài chính công ty chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi, người mua lập phiếu thu để trả và nhận khoản chiết khấu thanh toán. Các bên căn cứ chứng từ thu, chi tiền để hạch toán kế toán và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu dựa trên:

- + Tỷ lệ lãi vay ngân hàng
- + Thời gian thanh toán tiền hàng
- + Tham khảo mức chiết khấu của các doanh nghiệp khác cùng loại.

Dựa theo mức lãi suất ngân hàng hiện hành em đề nghị mức chiết khấu trung bình là 9%/năm.

- *Phương pháp hạch toán:*

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)

Có TK 111,112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Có TK 635: Chi phí tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

+ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu,...

+ Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán, hóa đơn...

*** Tài khoản sử dụng:**

+ TK 635: Chi phí tài chính.

+ TK liên quan khác: 131, 111, 112,...

Ví dụ 3.1: Ngày 17/06/2017 xuất kho hàng hóa – HĐ 0000822 cho Công ty Vận tải Anh Đức tổng giá thanh toán là 144.413.500 (bao gồm cả VAT 10%). Theo hợp đồng công ty Anh Đức có thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày công ty giao hàng. Ngày 24/06/2017 công ty Anh Đức đã thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng chuyển khoản. Do KH thanh toán sớm nên được chiết khấu thanh toán bằng chuyển khoản.

Số tiền Công ty Anh Đức được hưởng chiết khấu là:

$$\frac{144.413.500 \times 9\% \times 23}{365} = 819.002,589$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 819.002,589

Có TK 112: 819.002,589

3.2.2. Giải pháp 2: Công ty nên xây dựng và áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

- *Mục đích:* Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận.

- *Cách thức tiến hành:* Hàng hoá, dịch vụ áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng thì trên hóa đơn GTGT ghi giá đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán

hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hoá đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hoá đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh.

- *Các hình thức chiết khấu Thương mại:*

- Chiết khấu thương mại theo từng lần mua hàng (Giảm giá hàng bán ngay trong lần mua hàng đầu tiên)
- Chiết khấu thương mại sau nhiều lần mua hàng (Sau nhiều lần mua hàng mới đạt khối lượng hưởng chiết khấu).
- Chiết khấu thương mại sau chương trình khuyến mại (Sau khi đã xuất hóa đơn bán hàng rồi mới tính toán chiết khấu được hưởng trong kỳ).

Theo quy định tại Điểm 2.5, Khoản 2, Phụ lục 4, Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn GTGT hàng chiết khấu thương mại chúng ta chia làm 3 trường hợp viết hóa đơn có chiết khấu thương mại.

- Trường hợp 1: Viết hóa đơn chiết khấu thương mại theo từng lần mua hàng.
- Trường hợp 2: Viết hóa đơn chiết khấu thương mại khi mua hàng với số lượng lớn
- Trường hợp 3: Viết hóa đơn số tiền chiết khấu khi kết thúc chương trình khuyến mại.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thương mại một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu dựa trên:

- + Số lượng hàng hóa KH mua.
- + Tham khảo mức chiết khấu của các doanh nghiệp khác cùng loại.

Dựa theo số lượng hàng hóa em đề nghị mức chiết khấu là:

- + (0.5%) khi mua hàng trên 100.000.000VNĐ đến 200.000.000VNĐ
- + (0.75%) khi mua hàng từ 200.000.000VNĐ đến 300.000.000VNĐ
- + (1%) khi mua hàng từ 300.000.000VNĐ trở lên.

- *Phương pháp hạch toán:*

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT đầu ra

Có TK 131,111,112

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 511

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

*** Chứng từ sử dụng:**

+ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu,...

+ Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán, hóa đơn...

*** Tài khoản sử dụng:**

+ TK 521: Chiết khấu thương mại.

+ TK liên quan khác: 131, 111, 112,...

Ví dụ 3.2: Ngày 15/06/2017 xuất kho hàng hóa – HD 0000815 cho Công ty CP Tuấn Mạnh giá chưa thuế là 315.500.000 (VAT 10%). Do KH mua số lượng lớn công ty cho hưởng mức chiết khấu là 1% bằng chuyển khoản.

Nợ 521: 3.115.000

Nợ 3331: 311.500

Có 112: 3.426.500

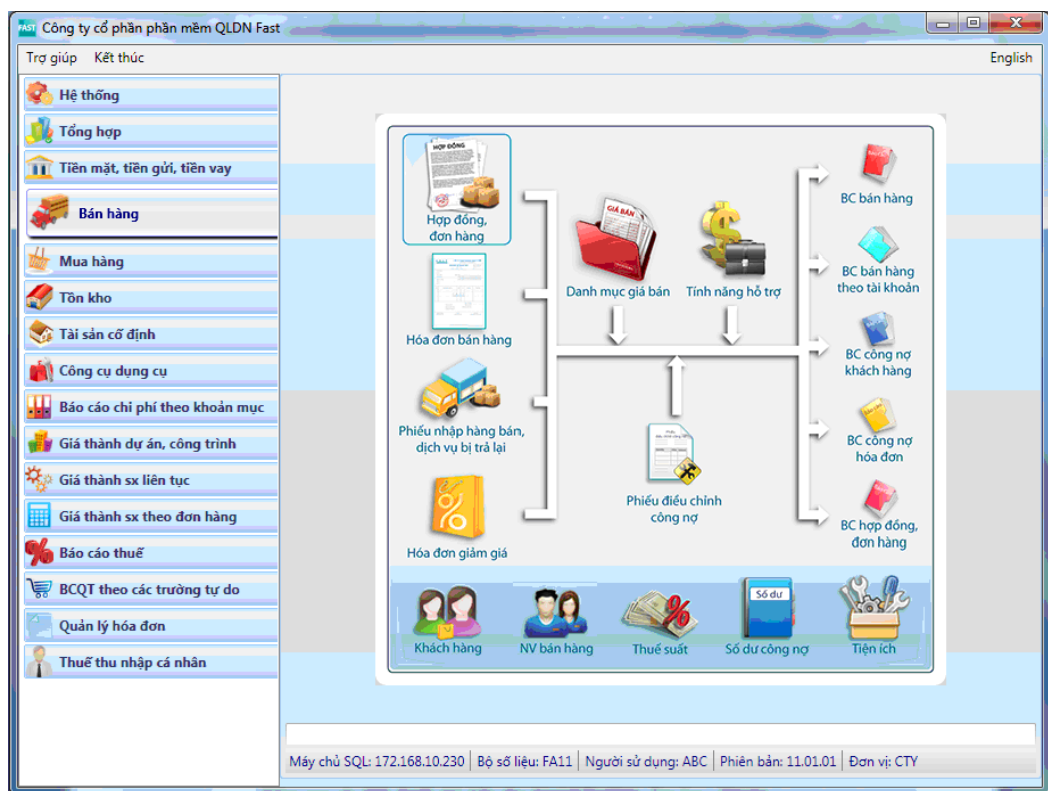
3.2.3. Giải pháp 3: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác hạch toán kế toán.

Hiện nay tại công ty TNHH Xăng dầu khu vực III chưa áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Đơn vị nên chọn mua phần mềm kế toán thích hợp để giảm thiểu công việc gây tổn hao về sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra nhà nước cũng cho phép các doanh nghiệp có thể đặt mua phần mềm kế toán riêng phù hợp với điều kiện, mô hình đơn vị. Khi tiếp nhận phần mềm kế toán cần kịp thời hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt. Tuy nhiên với các phần mềm này đòi hỏi phải kiểm tra kỹ để đáp ứng đúng quy định của pháp luật của nhà nước đã ban hành. Giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn, giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao. Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Misa:



Hãy sử dụng phần mềm kế toán FAST:



KẾT LUẬN

Đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh, mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển của mình, công Xăng dầu khu vực III cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Sau thời gian thực tập tại công ty được sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã nhận được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán hàng tồn kho tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán hàng hóa là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất, lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ phù hợp. Từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Xăng dầu khu vực III” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp.
- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán tại Công ty một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2017 minh chứng cho các lập luận đưa ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công, bài khóa luận đưa ra một số biện hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như áp dụng phần mềm kế toán trong đơn vị.

Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo và các anh chị phòng kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin cảm ơn thầy Th.s Phạm Văn Tường, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng ban lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán công ty Xăng dầu khu vực III đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Cao Văn Tú

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng